

DỰ THẢO

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA QUY ĐỊNH SỬ DỤNG
HOÁ ĐƠN ĐIỆN TỬ TỪ MÁY TÍNH TIỀN KẾT NỐI VỚI
CƠ QUAN THUẾ ĐỐI VỚI HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH

MỤC LỤC

1. MỞ ĐẦU	2
1.1 Giới thiệu chung	2
1.2 Đặc điểm phản hồi	3
2. NHẬN THỨC CHÍNH SÁCH CỦA HỘ KINH DOANH VÀ VAI TRÒ DẪN DẮT CỦA CƠ QUAN THUẾ	5
2.1 Nhận biết	5
2.2 Mức độ hiểu biết	8
2.3 Hỗ trợ/hướng dẫn của cơ quan Thuế	9
3. TÁC ĐỘNG, LO NGẠI VÀ CÁC YẾU TỐ ĐỊNH HÌNH QUAN ĐIỂM CỦA HỘ KINH DOANH	11
3.1 Tác động đối với hộ kinh doanh	11
3.2 Lo ngại của hộ kinh doanh	15
3.3 Xác định một số yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá của hộ kinh doanh	18
4. KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC CỦA HỘ KINH DOANH	19
4.1 Khó khăn	19
4.2 Thách thức	21
5. TÌNH HÌNH KINH DOANH DỰ KIẾN	23
5.1 Chi phí vận hành	23
5.2 Doanh thu	25
5.3 Lợi nhuận	26
6. MONG MUỐN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA HỘ KINH DOANH	27
6.1 Mong muốn đối với sự hỗ trợ của cơ quan Nhà nước	27
6.2 Đề xuất, kiến nghị khác	29
7. KIẾN NGHỊ	31
PHỤ LỤC	36

1. MỞ ĐẦU

1.1 Giới thiệu chung

Hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối với cơ quan thuế khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ là một giải pháp, yêu cầu pháp lý nhằm tăng cường tính minh bạch, tạo điều kiện cho cơ quan thuế kiểm soát, giám sát hiệu quả, phòng ngừa gian lận. Yêu cầu này thường áp dụng cho các doanh nghiệp có mô hình trực tiếp đến người tiêu dùng, có số lượng khách hàng lẻ lớn như siêu thị, nhà hàng, khách sạn....

Từ trước đến nay, các hộ, cá nhân kinh doanh (sau đây gọi chung là HKD) thường được áp dụng các quy định pháp lý đơn giản, trong đó chế độ hóa đơn, chứng từ. Việc này mang lại sự thuận tiện và đơn giản cho HKD, nhưng cũng tiềm ẩn tình trạng giấu doanh thu. Nhằm minh bạch doanh thu, tạo ra môi trường kinh doanh công bằng và minh bạch, Nhà nước đang từng bước thay đổi các quy định về hóa đơn, chứng từ với HKD.

Một bước chuyển đáng chú ý trong quá trình này là Nghị định 70/2025/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định 70). Quy định mới yêu cầu các HKD đang nộp thuế theo phương pháp khoán và có doanh thu từ 01 tỷ đồng/năm trở lên phải sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu điện tử với cơ quan thuế (sau đây gọi tắt là HĐĐT KNCQT). Theo ước tính của Cục Thuế, Bộ Tài chính, có khoảng 37.000 HKD đáp ứng tiêu chí này và do đó sẽ phải thực hiện nghĩa vụ này¹. Với tổng số hơn 5 triệu HKD², đối tượng áp dụng quy định chỉ chiếm chưa đến 1%, có thể coi là các HKD có doanh thu khoán rất lớn.

Nghị định 70 chỉ là bước khởi đầu. Theo Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, tất cả các HKD sẽ bỏ áp dụng phương pháp khoán từ ngày 01/01/2026, đi cùng với đó áp dụng chế độ hóa đơn, chứng từ. Đề nghị xây dựng Luật Quản lý thuế đang đề xuất lộ trình áp dụng như sau:

- Từ 01/01/2026 đến 31/12/2026, HKD có doanh thu hàng năm từ 200 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng phải sử dụng hóa đơn, chứng từ đơn giản (dự kiến lập “biên nhận bán hàng điện tử” qua app, Zalo, SMS hoặc mẫu có mã QR);
- Từ năm 2027, HKD có doanh thu từ 800 triệu đồng/năm phải áp dụng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối với cơ quan thuế;
- Từ năm 2028, tất cả các HKD thuộc diện chịu thuế sẽ áp dụng yêu cầu này

Như vậy, chỉ trong vòng hơn 2 năm tới đây, chế độ hóa đơn, chứng từ với các HKD sẽ thay đổi toàn diện, căn bản.

¹ Báo Thanh Niên (2025), 37.000 hộ kinh doanh chuyển sang kê khai thuế từ 1.6, truy cập tại <<https://thanhnien.vn/37000-ho-kinh-doanh-chuyen-sang-ke-khai-thue-tu-16-185250521104534838.htm>>

² Tổng cục Thống kê (2025), Niên giám Thống kê năm 2024, truy cập tại < <https://www.nso.gov.vn>>

Tuy nhiên, khi Nghị định 70 có hiệu lực từ ngày 01/6 vừa qua, phản ánh từ các phương tiện truyền thông cho thấy có trạng một số HKD lúng túng, khi phải phải đầu tư trang thiết bị, phải học và thao tác trên các thiết bị công nghệ mới... Thậm chí đã xuất hiện tâm lý lo lắng và hiểu sai chính sách, khi không ít HKD lo sợ rằng việc kê khai doanh thu thực tế sẽ làm tăng đột biến số thuế phải nộp so với hình thức thuế khoán trước đây. Sự thiếu thông tin và những tin đồn thất thiệt đã dẫn đến các phản ứng tiêu cực như tạm đóng cửa, hạn chế nhận chuyển khoản hoặc cố tình ghi sai nội dung giao dịch để né tránh...

Với vai trò là tổ chức đại diện cộng đồng doanh nghiệp, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) nhận thấy rằng để chính sách mới đi vào cuộc sống một cách hiệu quả và bền vững, cần có cách tiếp cận phù hợp với đặc thù của HKD – nhóm đối tượng thường bị động, ít có điều kiện tiếp cận thông tin và thiếu năng lực thích ứng với quy định mới. Trong bối cảnh này, VCCI triển khai một khảo sát nhanh các HKD trên toàn quốc nhằm thu thập thông tin về tác động của quy định về sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền kết nối dữ liệu với cơ quan thuế đối với hoạt động kinh doanh của các HKD và nắm bắt các ý kiến, đề xuất của các HKD để cung cấp thông tin tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Để thu thập thông tin từ các HKD, VCCI đã xây dựng một phiếu khảo sát trực tuyến. Phiếu khảo sát tập trung vào các nội dung: 1) Nhận thức của HKD về Nghị định 70; 2) Tác động của nghĩa vụ sử dụng HĐĐT KNCQT đối với hoạt động của HKD; 3) Khó khăn, thách thức của HKD trong tuân thủ nghĩa vụ sử dụng HĐĐT KNCQT; 4) Mong muốn, đề xuất của các HKD để tuân thủ tốt nghĩa vụ này. Khảo sát cũng thu thập thông tin về một số đặc điểm cơ bản của HKD như địa bàn hoạt động, loại hình kinh doanh, quy mô doanh thu và lao động năm gần nhất (2024) để phục vụ cho một số phân tích sâu về các nội dung khảo sát. Thời gian tiến hành khảo sát là từ ngày 7 đến ngày 30/6/2025.

Về đối tượng, nghiên cứu hướng tới tất cả các HKD đang hoặc có khả năng áp dụng quy định về HĐĐT KNCQT. Mục tiêu của nghiên cứu không chỉ nhằm phản ánh việc thực hiện quy định này tại Nghị định 70 mà còn hướng tới mục tiêu tổng quan hơn là cung cấp cho các cơ quan hoạch định chính sách một cái góc nhìn từ các HKD với quy mô, ngành nghề khác nhau, từ đó góp phần hỗ trợ cho quá trình soạn thảo quy định trong thời gian tới.

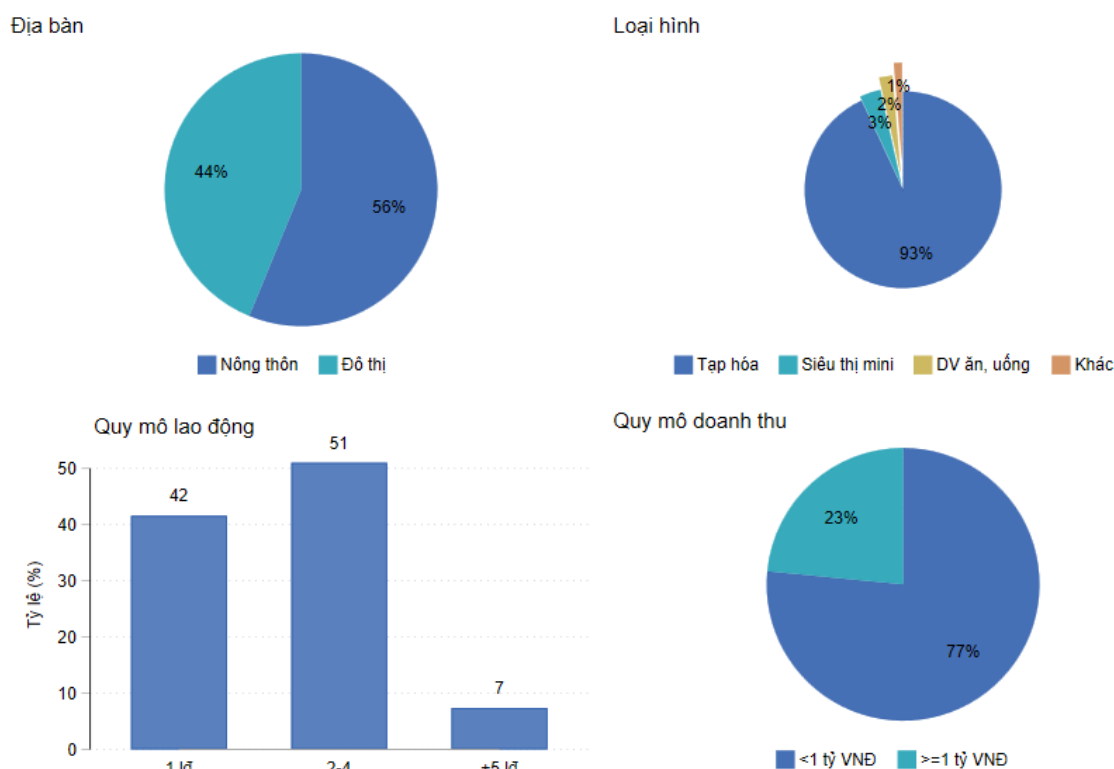
1.2 Đặc điểm phản hồi

Trong 1.368 phản hồi khảo sát,³ đa số các HKD đang hoạt động ở khu vực nông thôn (56%) trong khi một tỷ lệ đáng kể ở đô thị (44%). Hầu hết là các cửa hàng Tạp

³ Các hộ kinh doanh này tới từ 60/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước đây, còn nếu tính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 12/6/2025), những hộ kinh doanh phản hồi khảo sát này tới từ 33/34 đơn vị hành chính cấp tỉnh hiện nay. Toàn bộ 6 vùng trên cả nước đều có đại diện hộ kinh doanh phản hồi khảo sát.

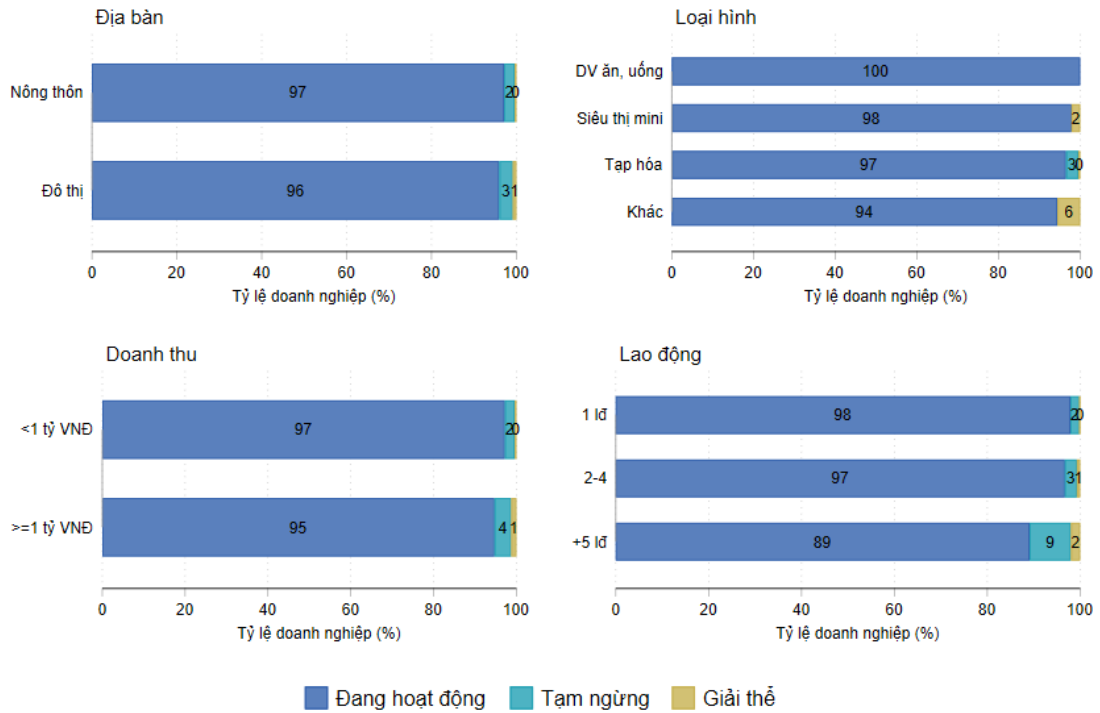
hóa, bán lẻ hàng tiêu dùng (93%), một số nhỏ là Siêu thị mini (3%), cơ sở dịch vụ ăn, uống (2%), hoặc các loại hình ngành nghề khác (1%). Đa số HKD có quy mô lao động nhỏ (42% chỉ có 1 lao động, 51% có từ 2-4 lao động và chỉ một tỷ lệ rất nhỏ, 7%, có từ 5 lao động trở lên). Phần lớn các HKD (77%) có quy mô doanh thu dưới 1 tỷ VND trong năm 2024 vừa qua, và số còn lại là các HKD có doanh thu từ 1 tỷ VND trở lên (23%). Như vậy, các HKD tham gia khảo sát này chủ yếu là các cửa hàng tạp hóa nhỏ lẻ, với ít lao động (1-4 người) và doanh thu thấp (dưới 1 tỷ VND) với hơn một nửa số HKD đang hoạt động ở khu vực nông thôn.

Hình 1.1. Một số đặc điểm của HKD phản hồi khảo sát



Tại thời điểm khảo sát, đa số tuyệt đối các HKD đang hoạt động, với con số 96,6%. Tỷ lệ tạm ngừng hoạt động là 2,8% và đã giải thể là 0,6%. Sự khác biệt về tình trạng hoạt động giữa nông thôn và đô thị là không đáng kể. Hầu hết các HKD không phân biệt loại hình có tỷ lệ đang hoạt động đều ở mức cao. Các HKD có doanh thu dưới 1 tỷ VND có tỷ lệ đang hoạt động (97%) nhỉnh hơn so với các hộ có doanh thu trên 1 tỷ VND (95%). HKD doanh thu trên 1 tỷ VND có tỷ lệ tạm ngừng (4%) và giải thể (1%) cao hơn một chút so với nhóm dưới 1 tỷ VND (3% tạm ngừng, 0,4% giải thể). Quy mô lao động là yếu tố có sự khác biệt rõ rệt nhất về tình trạng hoạt động. Các HKD có 1 lao động (98%) và 2-4 lao động (97%) có tỷ lệ đang hoạt động rất cao, các HKD có từ 5 lao động trở lên đang hoạt động có thấp một chút (89%).

Hình 1.2. Hiện trạng hoạt động của HKD



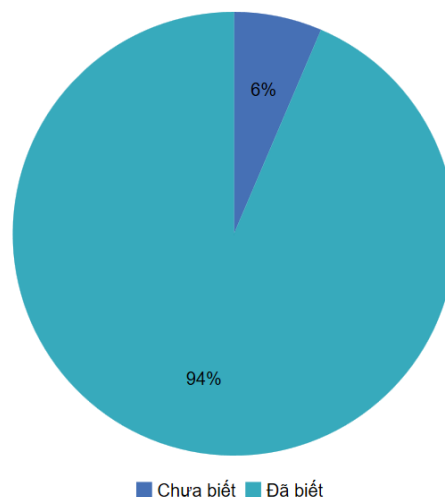
2. NHẬN THỨC CHÍNH SÁCH CỦA HỘ KINH DOANH VÀ VAI TRÒ DẪN DẮT CỦA CƠ QUAN THUẾ

2.1 Nhận biết

Nhận biết chung

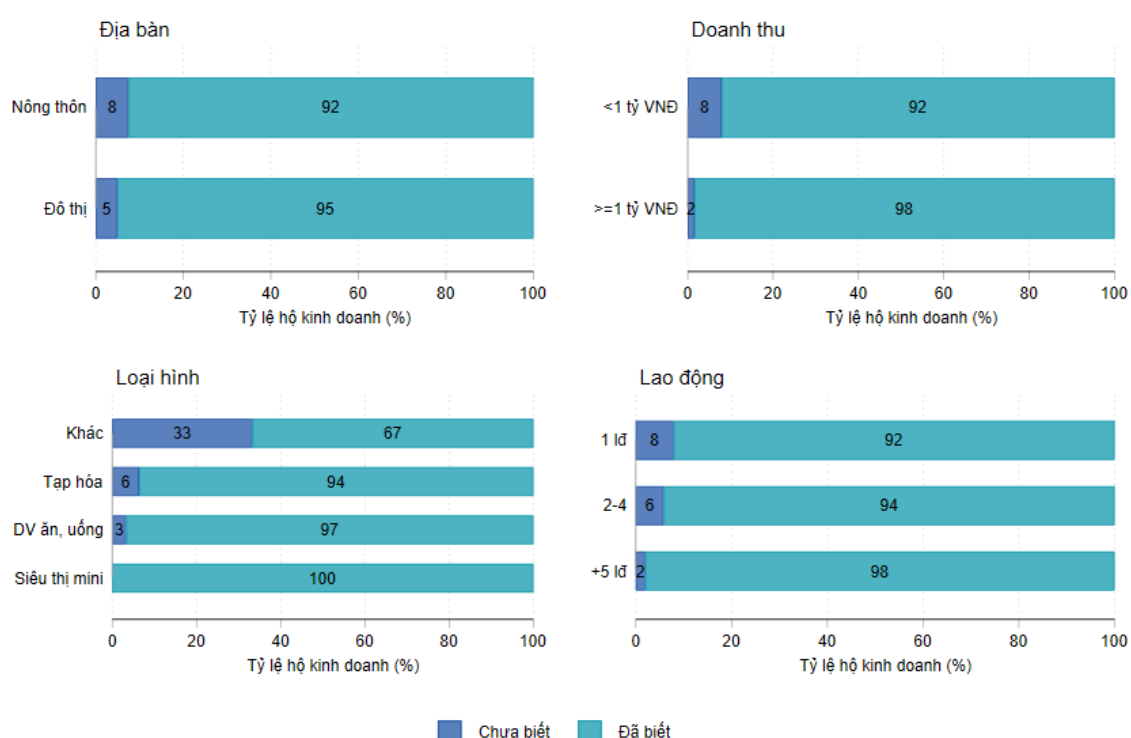
Trong số 1.368 HKD cung cấp thông tin, có tới 94% đã biết tới Nghị định 70. Như vậy, Nghị định này đã có mức độ nhận biết rất rộng rãi trong cộng đồng HKD được khảo sát, cho thấy bức tranh về nhận thức là tích cực. Đây chính là nền tảng quan trọng cho việc triển khai và tuân thủ các quy định về sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế

Hình 2.1. Đã biết đến Nghị định 70 hay chưa?



Mức độ nhận biết đối với Nghị định 70 theo một số đặc điểm của HKD thể hiện ở Hình 2.2. 95% HKD ở đô thị và 92% HKD ở nông thôn đã biết tới Nghị định 70. Các HKD có doanh thu từ 1 tỷ VND trở lên có tỷ lệ nhận biết rất cao (98%), trong khi các hộ có doanh thu dưới 1 tỷ VND có tỷ lệ nhận biết thấp hơn một chút (92%). Loại hình kinh doanh là yếu tố có sự khác biệt rõ rệt về mức độ nhận biết của các HKD. Trong khi 100% siêu thị mini, 97% cơ sở dịch vụ ăn, uống và 93% cửa hàng Tạp hóa đã biết đến Nghị định 70, thì chỉ 68% các HKD trong nhóm Khác nắm được thông tin. Các HKD có 5 lao động trở lên có tỷ lệ nhận biết cao nhất (98%), tiếp đến là các hộ có 2-4 lao động (94%). Các hộ chỉ có 1 lao động có tỷ lệ nhận biết thấp hơn một chút (92%).

Hình 2.2. Biết đến Nghị định 70 theo đặc điểm HKD



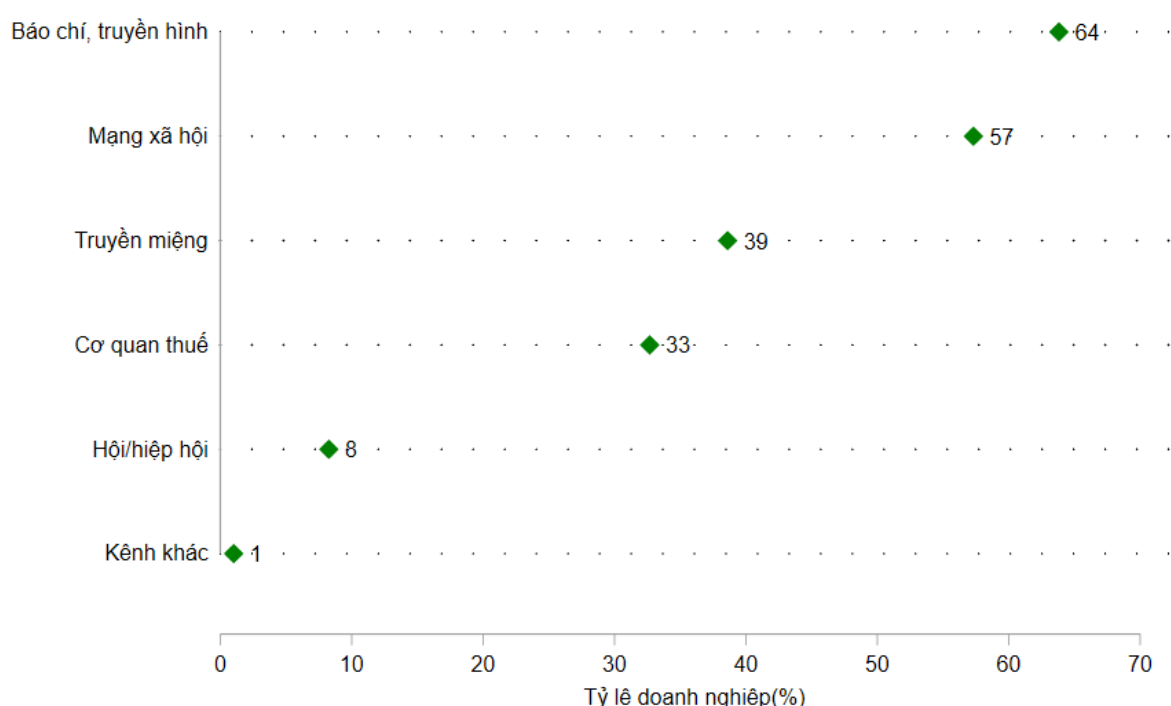
Kết quả khảo sát cho thấy một số điểm đáng chú ý. Loại hình kinh doanh đóng vai trò quan trọng nhất trong việc tạo ra sự khác biệt về nhận thức, với các Siêu thị mini, Quán ăn, uống và Tạp hóa đạt mức nhận biết rất cao, trong khi HKD ở loại hình Khác lại có tỷ lệ biết thấp hơn đáng kể. Các cơ quan Nhà nước và các bên có liên quan cần lưu ý trong quá trình xây dựng các chiến lược truyền thông và hỗ trợ pháp lý hiệu quả hơn, nhằm mục tiêu cụ thể vào các nhóm HKD có tỷ lệ nhận biết chưa cao để đảm bảo tất cả đều tiếp cận được các quy định liên quan.

Kênh tiếp cận thông tin

Trong những kênh tiếp cận thông tin về Nghị định 70, **báo chí, truyền hình là kênh có độ phủ lớn nhất** đối với HKD (64%). Điều này cho thấy vai trò cực kỳ quan trọng của các phương tiện truyền thông truyền thống trong việc phổ biến thông tin chính sách đến cộng đồng HKD. **Mạng xã hội** đứng là kênh có độ phủ thứ hai (57%),

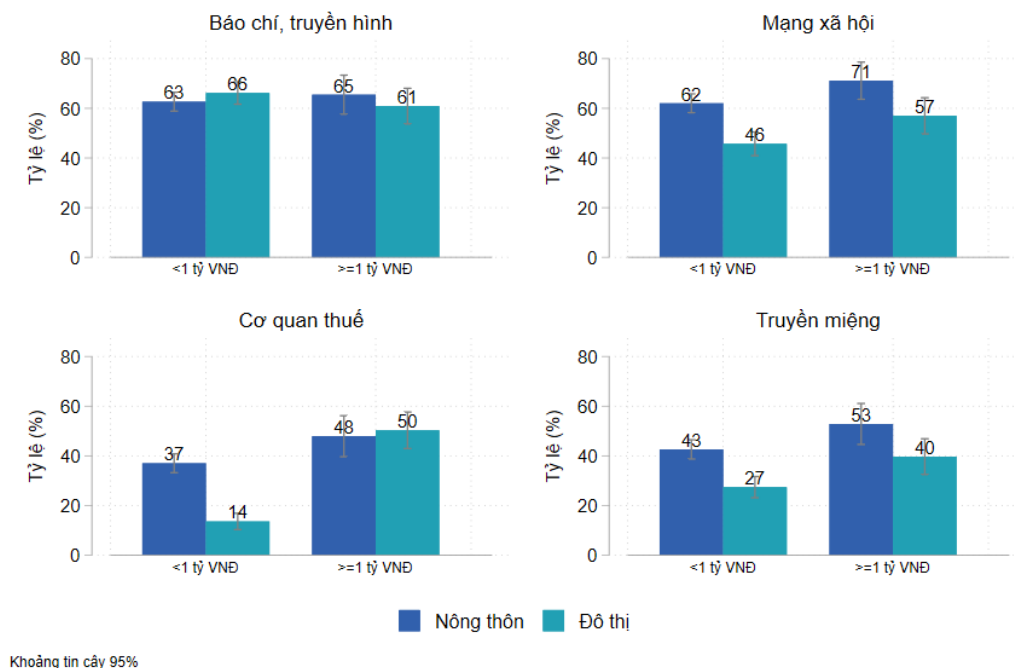
thể hiện sức ảnh hưởng lớn và sự lan tỏa nhanh chóng của thông tin qua các nền tảng mạng xã hội trong thời đại số. **Truyền miệng** (qua trao đổi với bạn bè, đối tác kinh doanh...) cũng là một kênh quan trọng (39%), phản ánh các mối quan hệ trong cộng đồng đóng vai trò đáng kể trong việc chia sẻ và truyền đạt thông tin. Khoảng 1/3 số HKD biết tới Nghị định 70 qua kênh **cơ quan Thuế**. Mặc dù không có độ phủ cao như kênh đã nêu ở trên, nhưng kênh chính thức này là nguồn thông tin đáng tin cậy và được nhiều HKD tìm đến hoặc tiếp cận. Kênh **Hội/hiệp hội ngành nghề** chỉ được 8% HKD lựa chọn, song đây lại là kênh có hiệu quả cao - điều chúng tôi sẽ phân tích kỹ hơn ở mục 3.3 của Báo cáo.

Hình 2.3. Biết đến Nghị định 70 qua kênh nào?



Hình 2.4 làm rõ một số xu hướng quan trọng trong việc tiếp cận thông tin của các HKD. Báo chí, truyền hình là kênh thông tin có độ phủ sóng rộng và ổn định nhất, không phân biệt quy mô doanh thu hay địa bàn. Mạng xã hội và truyền miệng là những kênh thông tin có độ phủ cao ở khu vực nông thôn, cho thấy tầm quan trọng của các kênh phi chính thức và cộng đồng ở đây. Cơ quan thuế là kênh chính thức được tin cậy, đặc biệt là đối với các HKD lớn và các hộ nhỏ hơn ở nông thôn. Kết quả phân tích chi tiết tiếp tục củng cố cho nhận định **cần tối ưu hóa việc sử dụng mạng xã hội và kênh truyền miệng trong cộng đồng nông thôn, đồng thời duy trì và tăng cường vai trò của các kênh truyền thống và chính thức để đảm bảo thông tin được tiếp cận rộng rãi và hiệu quả nhất đến mọi loại hình HKD trong quá trình xây dựng các chiến lược truyền thông chính sách.**

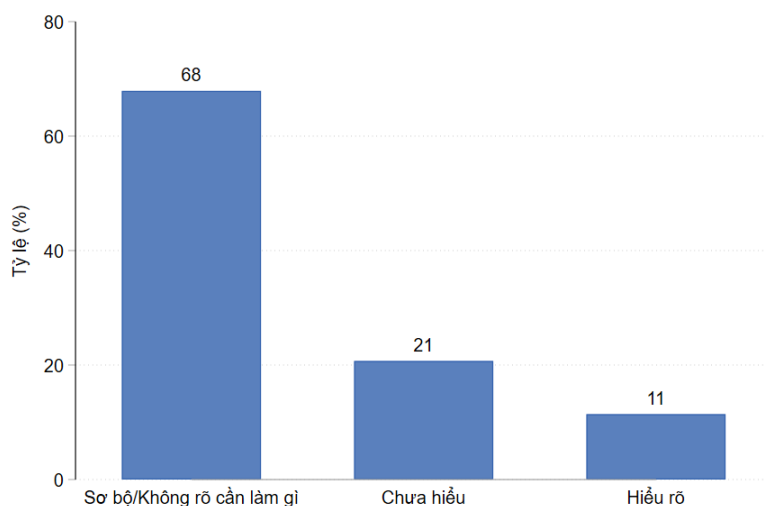
Hình 2.4. Kênh biết đến Nghị định 70 theo đặc điểm HKD



2.2 Mức độ hiểu biết

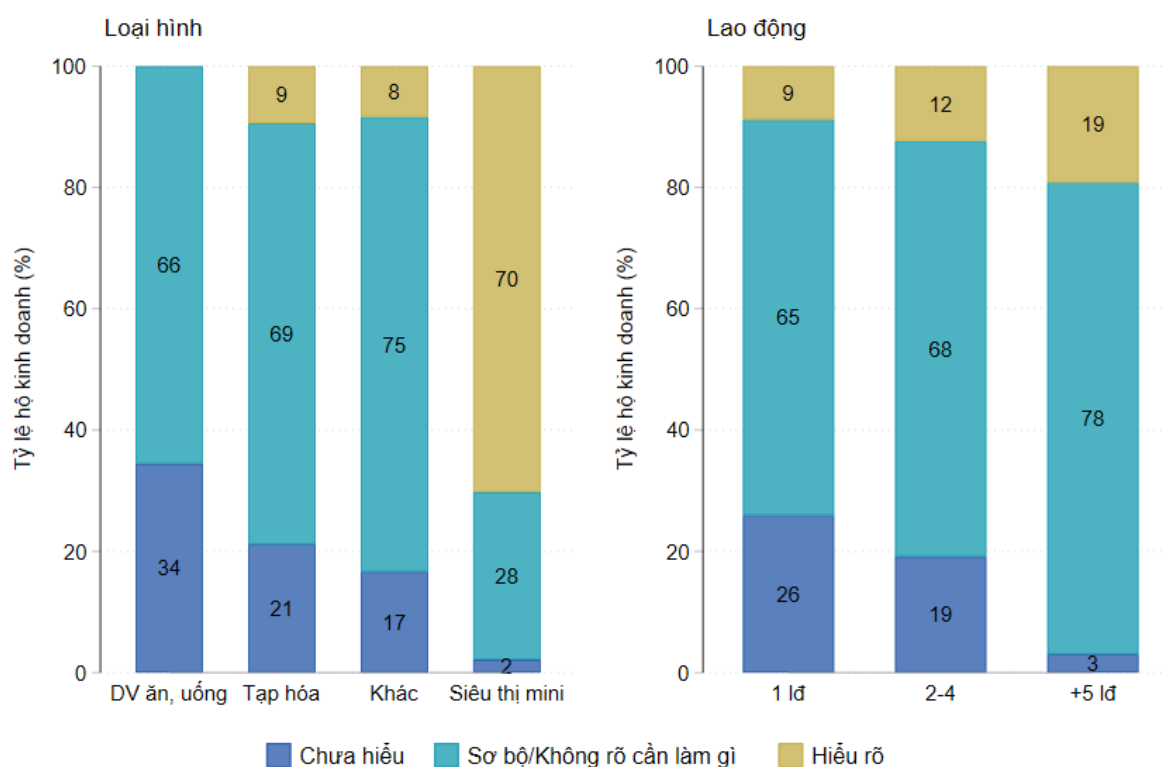
Khảo sát có đề nghị các HKD cho biết mức độ hiểu biết của họ về quy định “sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu điện tử với cơ quan thuế”. Theo đó, “Sơ bộ/Không rõ cần làm gì để tuân thủ” là mức độ phổ biến nhất, chiếm 68% trong tổng số các HKD được khảo sát. Con số này cho thấy **phần lớn các HKD có nhận thức ban đầu, nhưng có thể chưa sâu sắc hoặc chưa rõ ràng** về nghĩa vụ này. Một tỷ lệ đáng kể các HKD vẫn chưa nắm bắt được nội dung khi có 21% HKD lựa chọn “Biết, nhưng Chưa hiểu”. “Hiểu rõ” chỉ chiếm 11% - đây là tỷ lệ thấp nhất trong số các mức độ hiểu biết, cho thấy rất ít HKD thực sự nắm vững và tự tin vào khả năng áp dụng trên thực tế.

Hình 2.5. Mức độ hiểu biết về nghĩa vụ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế



Mức độ hiểu biết về nghĩa vụ này **có sự khác biệt rõ rệt theo lĩnh vực ngành nghề và theo quy mô lao động của HKD**. Về loại hình ngành nghề, các hộ dịch vụ ăn, uống có tỷ lệ lựa chọn mức “Chưa hiểu” cao nhất (34%). Các HKD trong ngành Dịch vụ ăn, uống (66%), Tạp hóa (69%) và Khác (75%) đều có tỷ lệ cao lựa chọn mức “Sơ bộ/Không rõ cần làm gì” cần làm gì để tuân thủ. **Siêu thị mini có tỷ lệ lựa chọn mức “Hiểu rõ” rất cao (70%)**, có thể do các hộ này trước đó đã làm quen với các thủ tục hành chính thuế.

Hình 2.6. Mức độ hiểu biết về nghĩa vụ theo đặc điểm HKD



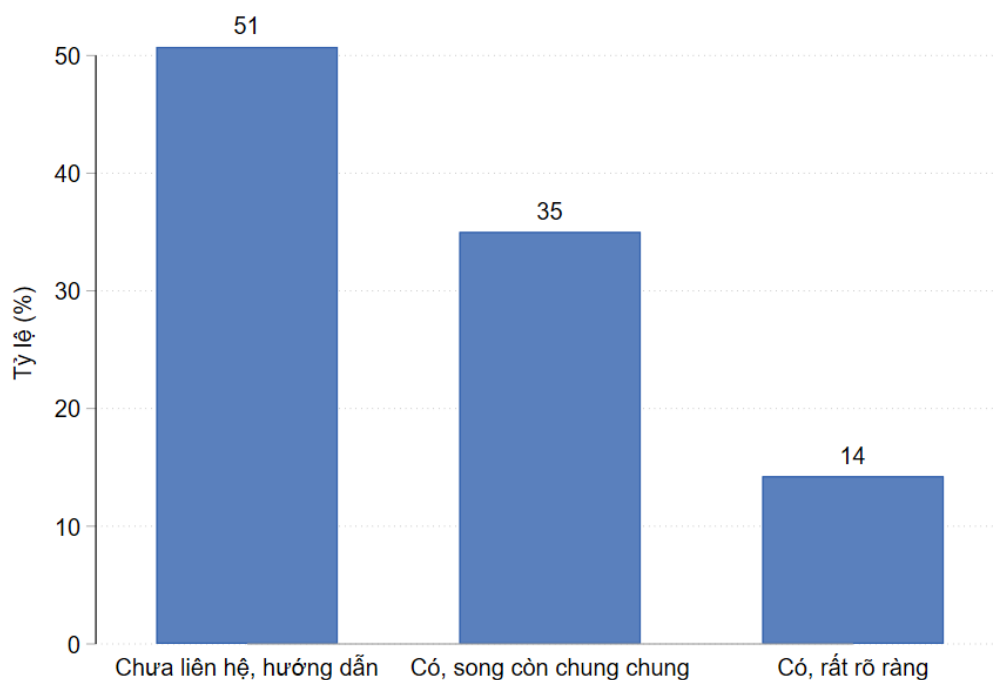
Như vậy, để nâng cao hiệu quả thực thi của nghĩa vụ này tại Nghị định 70 cũng như Luật Quản lý thuế sắp tới, cần có các chương trình truyền thông không chỉ dừng lại ở việc thông báo sự tồn tại của chính sách mà còn phải **tập trung vào việc giải thích rõ ràng, cung cấp hướng dẫn chi tiết về cách thức tuân thủ và áp dụng trong thực tiễn kinh doanh**. Các chương trình này cần được **tùy chỉnh cho phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của HKD**, đặc biệt là các nhóm có tỷ lệ hiểu biết thấp hoặc khó khăn trong việc tuân thủ. Việc tận dụng các kênh thông tin đã được đánh giá, phân tích ở trên để truyền tải thông tin sâu hơn là cần thiết.

2.3 Hỗ trợ/hướng dẫn của cơ quan Thuế

Khảo sát có đề nghị các HKD cho biết liệu đã nhận được sự hỗ trợ/hướng dẫn của cơ quan Thuế địa phương theo các mức Chưa liên hệ/hướng dẫn, Có song còn chung chung hoặc Có, rất rõ ràng. Kết quả khảo sát cho thấy 51% số HKD được khảo sát cho biết “Chưa liên hệ/hướng dẫn” từ cơ quan Thuế địa phương. Khoảng 35% cho

biết có nhận được hỗ trợ, nhưng ở mức độ “Còn chung chung”. Chỉ có 14% khẳng định họ nhận được hướng dẫn “Rất rõ ràng” từ cơ quan Thuế địa phương.

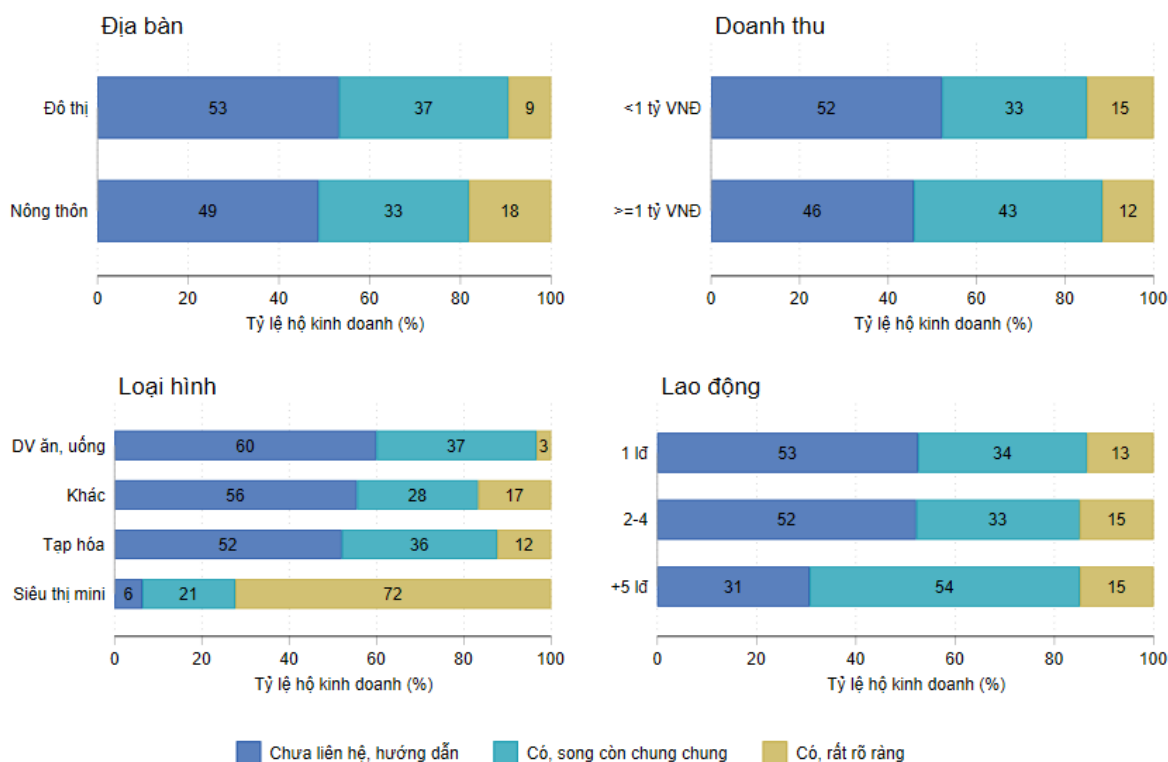
Hình 2.7. Hỗ trợ/hướng dẫn của cơ quan Thuế về thực hiện Nghị định 70



Hình 2.8 mô tả chi tiết về mức độ hỗ trợ/hướng dẫn của cơ quan Thuế địa phương đối với thực hiện Nghị định 70 theo một số đặc điểm của HKD. Mặc dù tỷ lệ HKD trả lời “Chưa liên hệ, hướng dẫn” ở đô thị cao hơn một chút so với nông thôn (53% so với 49%), đáng chú ý là tỷ lệ nhận được hướng dẫn “Rất rõ ràng” ở nông thôn lại cao gấp đôi so với đô thị (18% so với 9%). Điều này có thể cho thấy, khi cơ quan thuế tiếp cận được các HKD ở nông thôn, chất lượng hướng dẫn có vẻ tốt hơn, hoặc có thể do quy mô, sự phức tạp của các HKD ở nông thôn đơn giản hơn, làm cho việc hướng dẫn trở nên dễ dàng hơn.

Xét theo loại hình ngành nghề, dịch vụ ăn, uống là ngành bị “bỏ ngỏ” nhiều nhất, với tỷ lệ phản ánh cơ quan Thuế “Chưa liên hệ/hướng dẫn” cao nhất (60%) và tỷ lệ hỗ trợ “Rất rõ ràng” thấp nhất (chỉ 3%). Ngược lại, Siêu thị mini nhận được sự hỗ trợ vượt trội: chỉ 6% chưa được liên hệ và 72% nhận được hướng dẫn rất rõ ràng. Điều này có thể do đặc thù về quy mô, cách thức hoạt động (thường có phần chuyên nghiệp hơn, có thể có hệ thống hóa đơn tốt hơn), hoặc sự tập trung của cơ quan thuế vào nhóm đối tượng này.

Hình 2.8. Hỗ trợ/hướng dẫn của cơ quan Thuế theo đặc điểm HKD



Như vậy, để cải thiện hiệu quả triển khai Nghị định 70 và quy định sắp tới tại Luật Quản lý thuế, cơ quan Thuế cần **tăng cường tiếp cận chủ động** tới các HKD, đặc biệt là nhóm dịch vụ ăn, uống, cũng như các hộ ở nông thôn và đô thị nói chung còn có tỷ lệ Chưa liên hệ/hướng dẫn ở mức cao. Bên cạnh đó, cần **cải thiện chất lượng hướng dẫn, cung cấp thông tin chi tiết và rõ ràng**, đặc biệt cho các HKD có quy mô lớn hơn hoặc các ngành nghề phức tạp hơn, nơi tỷ lệ hướng dẫn “chung chung” còn cao.

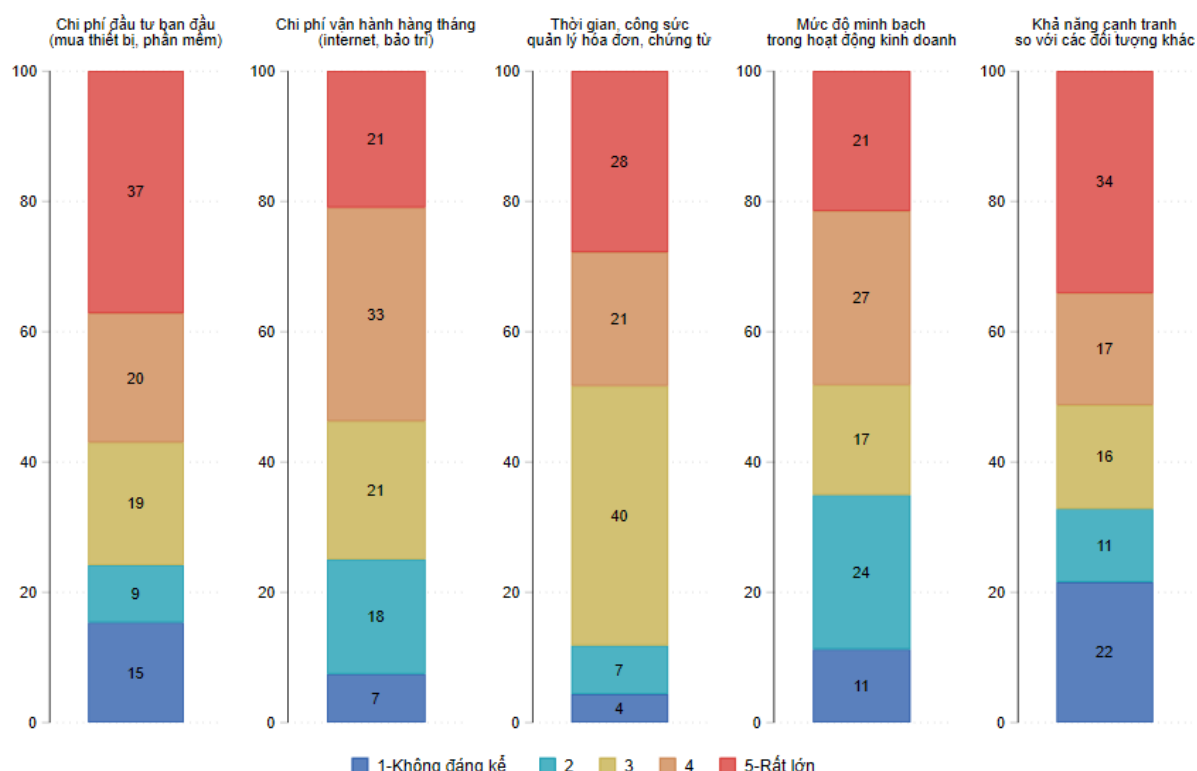
3. TÁC ĐỘNG, LO NGẠI VÀ CÁC YẾU TỐ ĐỊNH HÌNH QUAN ĐIỂM CỦA HỘ KINH DOANH

3.1 Tác động đối với hộ kinh doanh

Khảo sát có đề nghị các HKD đánh giá mức độ tác động của việc thực hiện việc thực hiện quy định sử dụng HĐĐT trên một số khía cạnh cụ thể, đó là về: Chi phí đầu tư ban đầu (mua thiết bị, phần mềm); Chi phí vận hành hàng tháng (internet, bảo trì); Thời gian, công sức quản lý hóa đơn, chứng từ; Mức độ minh bạch trong hoạt động kinh doanh; và Khả năng cạnh tranh so với các đối tượng khác. Mức đánh giá theo thang điểm 5, trong đó 1 là Có, song không đáng kể và 5 là Rất lớn.

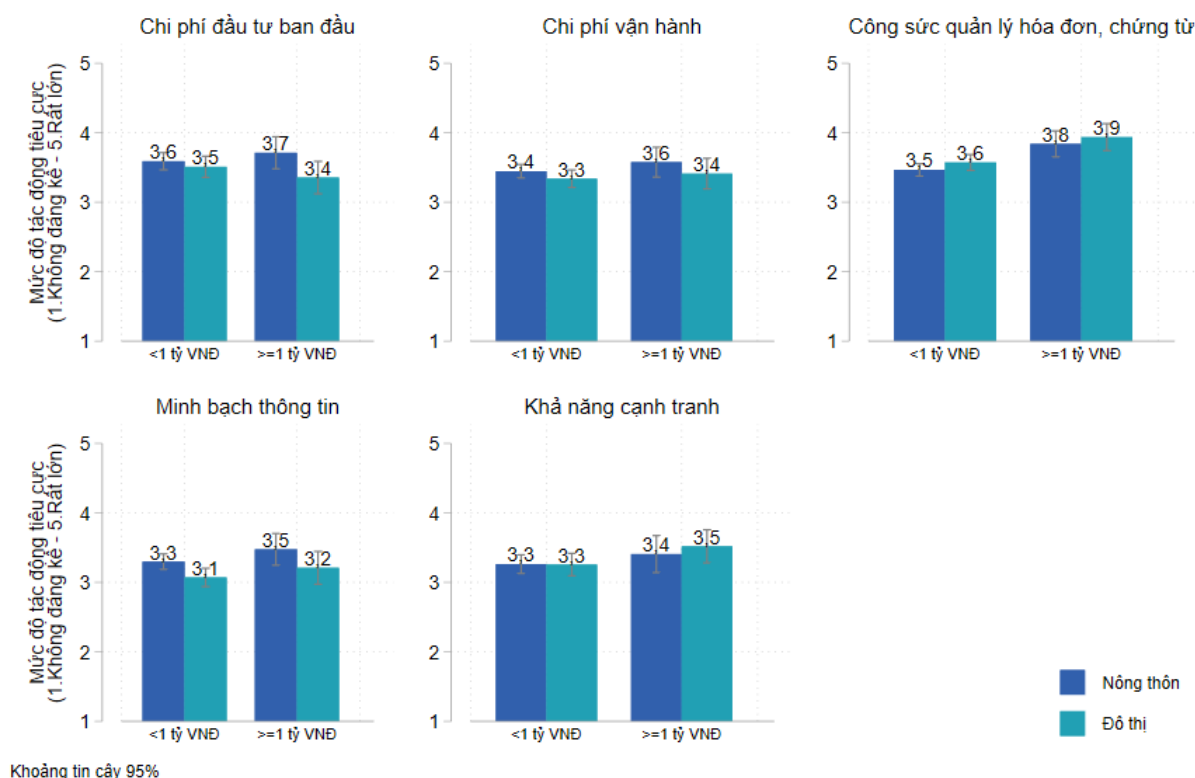
Kết quả khảo sát cho thấy, **chi phí đầu tư ban đầu** và **chi phí vận hành hàng tháng** là hai khía cạnh mà các HKD cảm thấy tác động Lớn/Rất lớn nhiều nhất, lần lượt là 57% và 54%, bên cạnh **áp lực cạnh tranh** cũng là điều khiến 51% HKD cảm nhận. **Thời gian và công sức quản lý hóa đơn, chứng từ** là một gánh nặng hành chính phổ biến, với 49% các HKD đánh giá ở mức Lớn/Rất lớn. Mức độ minh bạch có sự phân hóa trong nhận định, nhưng vẫn có một tỷ lệ đáng kể các HKD (48%) cảm thấy đây là một tác động lớn, rất lớn.

Hình 3.1. Mức độ tác động trên một số khía cạnh



Phân tích chi tiết cho thấy tác động về chi phí (đầu tư ban đầu và vận hành) và minh bạch thông tin thường được các HKD ở nông thôn cảm nhận tác động lớn hơn so với các hộ ở đô thị. Tác động về thời gian và công sức quản lý hóa đơn, chứng từ tăng lên rõ rệt khi quy mô doanh thu của HKD lớn hơn (từ dưới 1 tỷ lên trên 1 tỷ VNĐ), bất kể khu vực nông thôn hay đô thị. Đây là điểm có mức độ tác động trung bình cao nhất (3,8 và 3,9) trong tất cả các nhóm được khảo sát. Các mức điểm trung bình nhìn chung nằm trong khoảng từ 3.1 đến 3.9, cho thấy tất cả các khía cạnh được khảo sát đều có tác động đáng kể đến HKD.

Hình 3.2. Mức độ tác động tiêu cực trên một số khía cạnh theo đặc điểm HKD

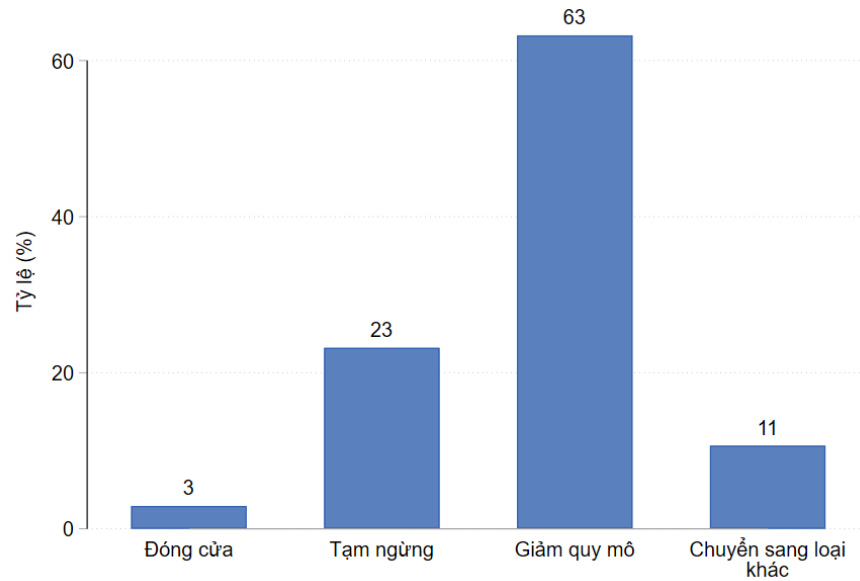


Dự kiến của hộ kinh doanh trong trường hợp chịu tác động tiêu cực

Khảo sát tiếp tục đề nghị các HKD cho biết dự kiến của họ trong trường hợp chịu tác động tiêu cực là thế nào, liệu họ sẽ đóng cửa, tạm ngừng hoạt động, giảm quy mô hay chuyển sang loại hình khác? Kết quả khảo sát cho thấy, **Giảm quy mô là lựa chọn phổ biến nhất** (63%). Điều này cho thấy đa số các hộ sẽ cố gắng duy trì hoạt động nhưng thu hẹp lại để đối phó với khó khăn.

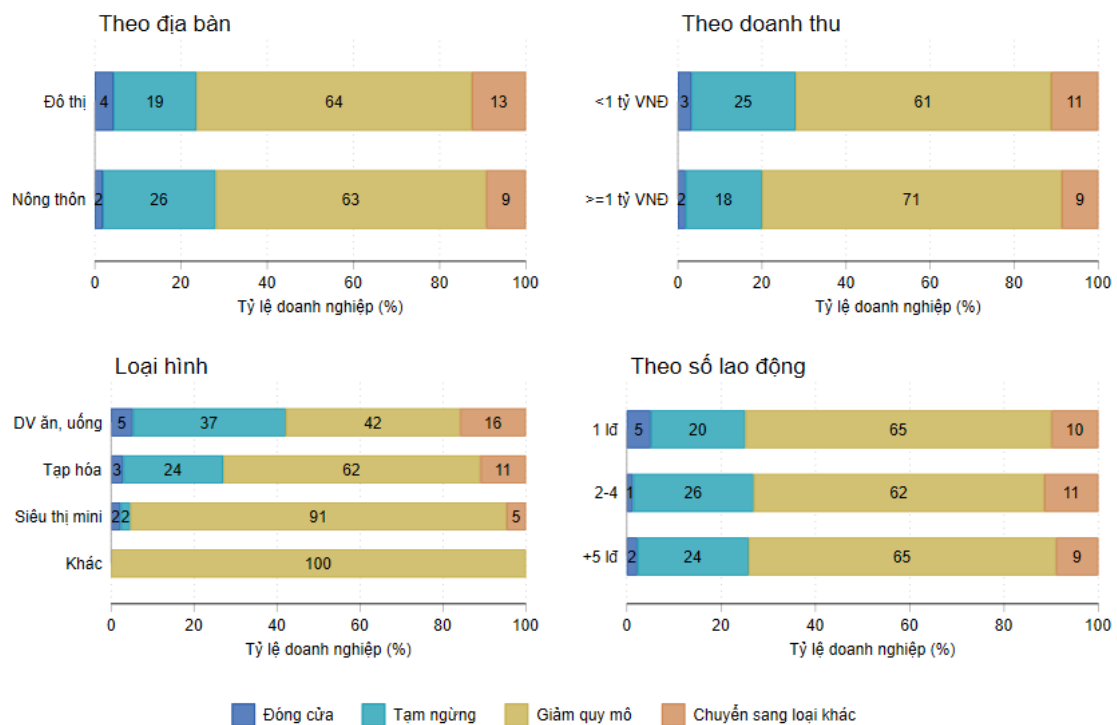
Tạm ngừng hoạt động là phương án dự kiến tiếp theo, với 23% HKD lựa chọn. Điều này ngụ ý rằng một phần đáng kể các hộ sẽ tạm dừng kinh doanh trong một khoảng thời gian để chờ đợi tình hình khả quan hơn hoặc đánh giá lại. Chuyển sang loại hình khác được 11% các HKD cân nhắc. Đây là một động thái chiến lược nhằm thích nghi với những thay đổi của thị trường hoặc các quy định mới. Chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ, 3% các HKD, cho biết họ dự kiến sẽ đóng cửa hoàn toàn. Điều này có thể phản ánh sự kiên cường của các HKD hoặc hy vọng rằng tác động tiêu cực chỉ là tạm thời.

Hình 3.3. Dự kiến của HKD trong trường hợp chịu tác động tiêu cực



Phân tích chi tiết theo đặc điểm HKD cho thấy một điểm đáng chú ý là sự khác biệt lớn trong dự kiến của các siêu thị mini và nhóm khác, khi họ có xu hướng giảm quy mô rất cao (lần lượt ở mức 91% và 100%). Cơ sở dịch vụ ăn, uống và Tạp hóa có tỷ lệ cho biết tạm ngừng hoạt động khá cao (lần lượt ở mức 37% và 24%). Như vậy, **đặc thù của ngành nghề có thể ảnh hưởng đến chiến lược ứng phó với khó khăn**. Tỷ lệ đóng cửa hoàn toàn luôn ở mức thấp nhất trong tất cả các nhóm, cho thấy các HKD thường cố gắng duy trì hoặc thay đổi để thích nghi thay vì chấm dứt hoạt động.

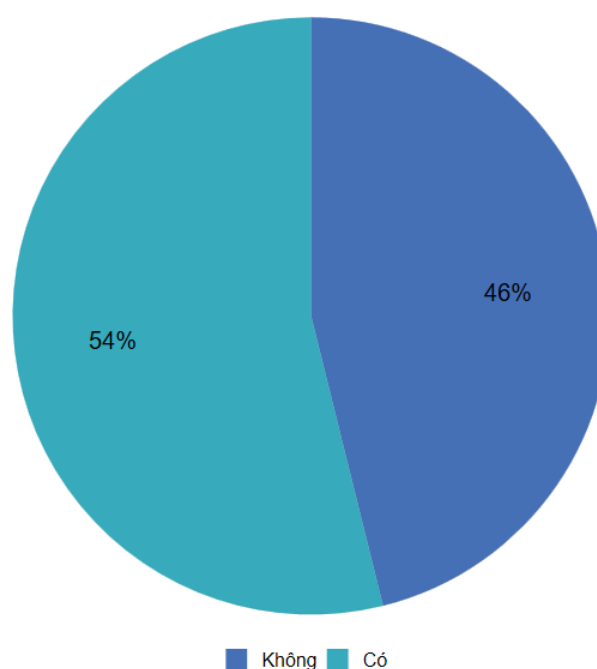
Hình 3.4. Dự kiến trong trường hợp chịu tác động tiêu cực theo đặc điểm của HKD



3.2 Lo ngại của hộ kinh doanh

Với những tác động nêu trên, thì cuối cùng các HKD có lo ngại về việc thực hiện nghĩa vụ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế hay không? Kết quả khảo sát cho thấy 54% tổng số HKD được khảo sát có lo ngại khi thực hiện nghĩa vụ này, trong khi đó, 46% các HKD không có lo ngại.

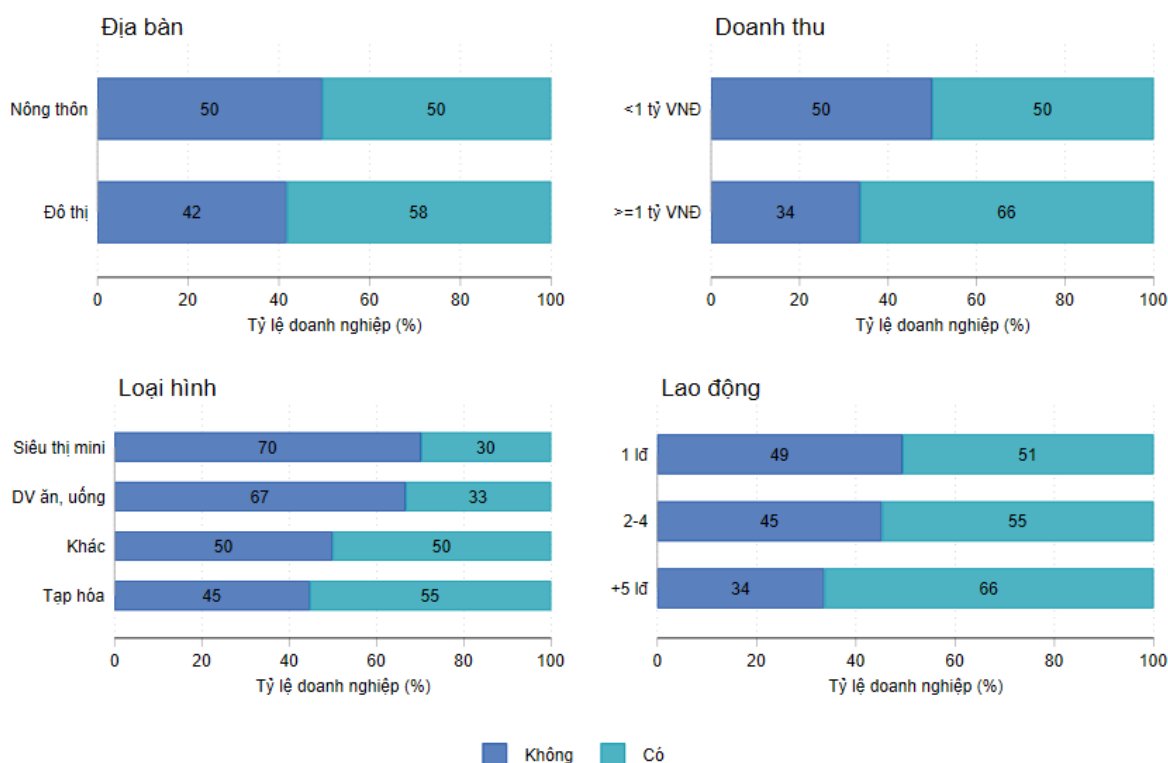
Hình 3.5. Lo ngại về việc thực hiện nghĩa vụ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế?



Hình 3.6 mô tả chi tiết hơn kết quả khảo sát lo ngại khi thực hiện nghĩa vụ này theo đặc điểm HKD. Các HKD ở khu vực đô thị (58%) có xu hướng lo ngại nhiều hơn so với các hộ ở nông thôn (50%), điều này có thể phản ánh môi trường kinh doanh phức tạp hơn, yêu cầu tuân thủ cao hơn hoặc khả năng tiếp cận thông tin, hỗ trợ khác biệt giữa hai khu vực. Các HKD có doanh thu trên 1 tỷ VNĐ (66%) có mức độ lo ngại cao hơn hẳn so với các hộ có doanh thu nhỏ hơn (50%). Điều này phù hợp với phân tích trước đó (Hình 3.2) rằng gánh nặng về thời gian, công sức quản lý hóa đơn, chứng từ tăng lên rõ rệt khi quy mô doanh thu lớn hơn, có thể dẫn đến sự lo ngại cao hơn.

Các cửa hàng Tạp hóa thể hiện mức độ lo ngại cao nhất (55%), có thể do đặc thù hoạt động, quy mô nhỏ, ít tiếp cận công nghệ hoặc nguồn lực hỗ trợ hơn so với các loại hình kinh doanh hiện đại như siêu thị mini. Mức độ lo ngại có xu hướng tăng lên khi số lượng lao động của HKD tăng lên. Điều này cũng tương đồng với xu hướng lo ngại theo doanh thu, bởi số lượng lao động thường đi đôi với quy mô và sự phức tạp của hoạt động kinh doanh. Các HKD lớn hơn có thể phải đối mặt với nhiều quy định và gánh nặng tuân thủ hơn.

Hình 3.6. Lo ngại về việc thực hiện nghĩa vụ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế?



Nhìn chung, kết quả phân tích chỉ ra những nhóm HKD cụ thể có mức độ lo ngại cao hơn. Các HKD ở đô thị có mức độ lo ngại cao hơn nông thôn. Các HKD có doanh thu lớn (trên 1 tỷ VNĐ) có mức độ lo ngại cao hơn hẳn. Nhóm cửa hàng Tạp hóa thể hiện mức độ lo ngại cao nhất. Các HKD có nhiều lao động (trên 5 người) có mức độ lo ngại cao hơn các nhóm lao động còn lại. Những nhóm có quy mô lớn hơn (doanh thu trên 1 tỷ VNĐ, trên 5 lao động) đều thể hiện mức độ lo ngại cao hơn, có thể vì họ cảm nhận rõ hơn các tác động về chi phí và đặc biệt là thời gian, công sức quản lý hóa đơn, chứng từ đã được phân tích trước đó.

Ý kiến về lo ngại cụ thể của hộ kinh doanh

Khảo sát có đề nghị các HKD nêu rõ các lo ngại cụ thể liên quan tới việc thực hiện nghĩa vụ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Có 485 HKD bày tỏ các lo ngại cụ thể, có thể tổng hợp thành các nhóm chính sau:

- **Gánh nặng tài chính** (tăng chi phí, giảm lợi nhuận, thuế cao):
 - Lo ngại lớn nhất là "tăng chi phí, giảm lãi" hoặc "tăng chi phí, giảm lợi nhuận".... Nhiều HKD khẳng định lợi nhuận hiện tại đã rất thấp, không đủ để nộp thuế....
 - Thuế quá cao hoặc tăng thuế là một lo ngại rất phổ biến.... Đặc biệt, mức thuế 1,5% trên tổng doanh thu được cho là quá cao. Một số HKD tạp hóa

còn cho biết với mức lãi rất nhỏ, việc áp dụng hệ số 1,5% vào tổng doanh thu sẽ khiến họ kinh doanh thua lỗ.

- Chi phí đầu tư cho máy móc, phần mềm (cho hóa đơn điện tử) được coi là cao..., đặc biệt với các cửa hàng nhỏ lẻ.
- Việc tăng thuế và chi phí sẽ làm tăng giá bán hàng hóa, dẫn đến mất khách hàng.... Điều này cũng có thể gây ra hàng tồn kho hết hạn sử dụng.
- **Thách thức về hóa đơn điện tử và thủ tục hành chính:**
 - Khó khăn trong việc xuất hóa đơn điện tử từ máy tính tiền: Cụ thể, việc chỉnh sửa hóa đơn khi khách trả hàng cũng là một vấn đề.
 - Lo ngại lớn về khách hàng không muốn nhận hóa đơn hoặc không cung cấp thông tin cá nhân (căn cước, mã số thuế) do lo ngại về mức thuế họ phải chịu, dẫn đến "không bán được hàng ra"....
 - Vấn đề về hóa đơn đầu vào không hợp lệ hoặc không có chứng từ (ví dụ mua hải sản từ ngư dân, gà từ nông dân, thuê nhân công thời vụ) khiến lợi nhuận sổ sách bị quá lớn so với thực tế và không được khấu trừ VAT....
 - Quá nhiều thủ tục hành chính, giấy tờ phức tạp, quản lý phức tạp hơn trước....
- **Thiếu hiểu biết, kỹ năng và thời gian:**
 - Chưa nắm rõ hết nội dung nghị định hoặc không hiểu rõ về nghị định là một lo ngại rất phổ biến.... Nhiều HKD không biết bắt đầu từ đâu hoặc làm thế nào để thực hiện đúng....
 - Không rành công nghệ, phần mềm, thiết bị máy tính tiền là vấn đề chung, đặc biệt đối với người lớn tuổi....
 - Mất nhiều thời gian cho việc tìm hiểu, thao tác máy móc, kiểm soát hàng hóa, chứng từ, báo cáo....
 - Thiếu hướng dẫn cụ thể, thống nhất từ cơ quan thuế ở các địa phương..., dẫn đến lúng túng và sai sót không chủ đích.
 - Thiếu nhân sự quản lý.
- **Tác động đến hoạt động kinh doanh và tâm lý:**
 - Buôn bán khó khăn, chậm lại, giảm doanh thu, do sức mua của người tiêu dùng giảm....
 - Các HKD nhỏ lẻ lo ngại sẽ bị ép đến không còn cơ hội duy trì, phải đóng cửa hoặc ngừng kinh doanh....
 - Lo sợ bị phạt thuế do không kiểm soát được hoặc thực hiện không đúng....
 - Có tâm lý hoang mang khi nghe thông tin từ mạng xã hội.
 - Áp lực lớn trong việc vận hành, thích nghi với luật mới....

Có thể thấy rằng, các HKD đang phải đối mặt với một sự thay đổi lớn về quy trình thuế và quản lý, với nhiều lo ngại về khả năng tài chính, kỹ năng công nghệ và sự phức tạp của thủ tục mới.

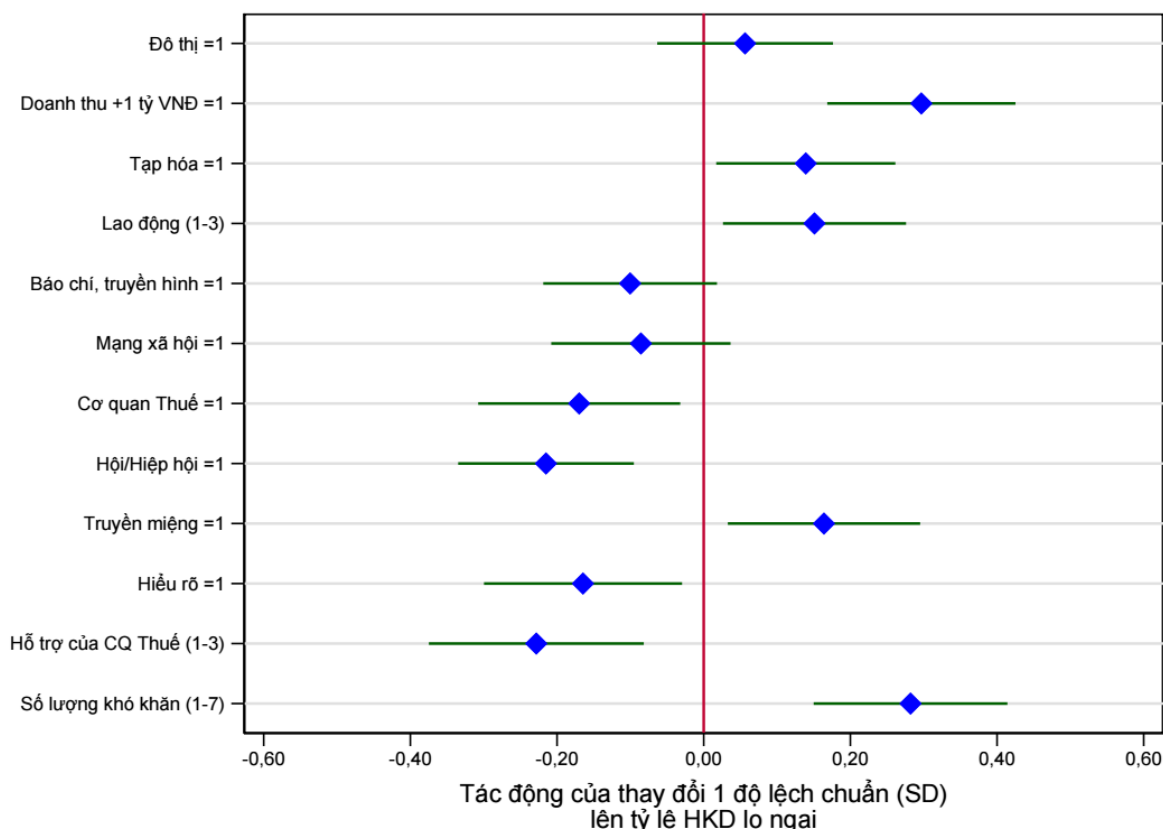
3.3 Xác định một số yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá của hộ kinh doanh

Cùng với các mô tả ở các phần 2 và các mục đầu phần 3 của báo cáo, phần này sẽ tiến hành một kiểm định thống kê để xem xét mối tương quan giữa tỷ lệ HKD phản ánh lo ngại với một số đặc điểm của họ. Đó là theo địa bàn hoạt động của HKD, doanh thu, quy mô lao động, loại hình (Tập hóa hay các loại hình khác). Phân tích này cũng xem xét các kênh tiếp cận thông tin của HKD liệu có ảnh hưởng thế nào tới đánh giá của HKD. Cùng với đó, là mức độ hiểu biết của HKD, sự hỗ trợ của cơ quan thuế và số lượng các khó khăn mà HKD phản ánh.

Các kết quả phân tích về mối tương quan giữa tỷ lệ HKD phản ánh lo ngại và một số yếu tố thể hiện ở Hình 3.7. Các hình thoi trong Hình biểu thị các hệ số đã được chuẩn hóa, thể hiện tác động của thay đổi một độ lệch chuẩn lên tỷ lệ HKD phản ánh tác động tiêu cực trong khảo sát này. Nếu thanh ngang (khoảng tin cậy) không cắt qua số 0 (đường màu đỏ), thì biến đó có tác động có ý nghĩa thống kê lên đánh giá của HKD. Nếu toàn bộ thanh ngang nằm bên phải số 0, tác động của yếu tố đó làm tăng khả năng HKD đánh giá tác động tiêu cực và ngược lại. Nếu thanh ngang (khoảng tin cậy) cắt qua số 0, thì yếu tố đó không có tác động có ý nghĩa thống kê lên tỷ lệ đánh giá tác động tiêu cực ở mức độ tin cậy được chọn (95% trong trường hợp này). Kết quả phân tích cho thấy một số yếu tố có tác động không rõ ràng, như kênh thông tin báo chí, truyền hình, mạng xã hội và địa bàn hoạt động của HKD. Trong khi đó, có một số yếu tố có tác động rất rõ rệt, gồm có 2 nhóm chính: các yếu tố làm giảm khả năng lo ngại và các yếu tố làm gia tăng khả năng lo ngại. Cụ thể:

- Các yếu tố làm giảm khả năng lo ngại: Đó là, tiếp cận thông tin từ **Hội/hiệp hội, Cơ quan Thuế và Hỗ trợ của Cơ quan Thuế**. Kết quả này cho thấy để giải tỏa lo ngại của hộ kinh doanh, cần đẩy mạnh truyền thông qua kênh của các Hội/hiệp hội cũng như tăng cường công tác truyền thông cũng như công tác hỗ trợ của chính các cơ quan Thuế địa phương.
- Một số yếu tố làm tăng khả năng lo ngại: **Số lượng lao động**, các HKD **Tập hóa**, các HKD có **doanh thu từ 1 tỷ** trở lên là những nhóm cần quan tâm bởi đây là các HKD có thể phải đối mặt với nhiều thách thức hơn hoặc có độ nhạy cảm cao hơn với các tác động tiêu cực. Tiếp cận thông tin qua kênh **Truyền miệng** cho thấy kênh này dù có độ phủ tương đối lớn, nhưng lại là kênh làm gia tăng khả năng lo ngại của HKD, do vậy cần có định hướng phù hợp để truyền tải thông tin chính sách một cách chính xác và hiệu quả. Cuối cùng, **số lượng khó khăn**, cho thấy càng có nhiều khó khăn, hộ kinh doanh càng phản ánh lo ngại, do vậy cần có giải pháp giảm thiểu số khó khăn cho HKD.

Hình 3.7. Các yếu tố chính ảnh hưởng tới tỷ lệ HKD lo ngại



Tóm lại, kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới tỷ lệ HKD phản ánh lo ngại về việc thực hiện quy định về HĐĐT cho thấy các cơ quan Nhà nước cần tập trung vào việc **giảm gánh nặng khó khăn, tăng cường hỗ trợ từ cơ quan thuế, minh bạch hóa thông tin và thúc đẩy sự hiểu biết rõ ràng**, cùng với việc **tiếp cận và hỗ trợ chuyên biệt** cho một số nhóm hộ kinh doanh.

4. KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC CỦA HỘ KINH DOANH

4.1 Khó khăn

Khảo sát tiếp tục tìm hiểu những khó khăn của HKD trong thực hiện nghĩa vụ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. **Thiếu kiến thức, kỹ năng về công nghệ** là khó khăn có nhiều HKD phản ánh nhất, với tỷ lệ 73%. Tỷ lệ cao này cho thấy một khoảng cách đáng kể về năng lực công nghệ trong các HKD, khi nhiều hộ có thể chưa quen với việc sử dụng các phần mềm, thiết bị điện tử trong quản lý kinh doanh, đặc biệt là HĐĐT, vốn đòi hỏi sự hiểu biết nhất định về quy trình và thao tác trên hệ thống.

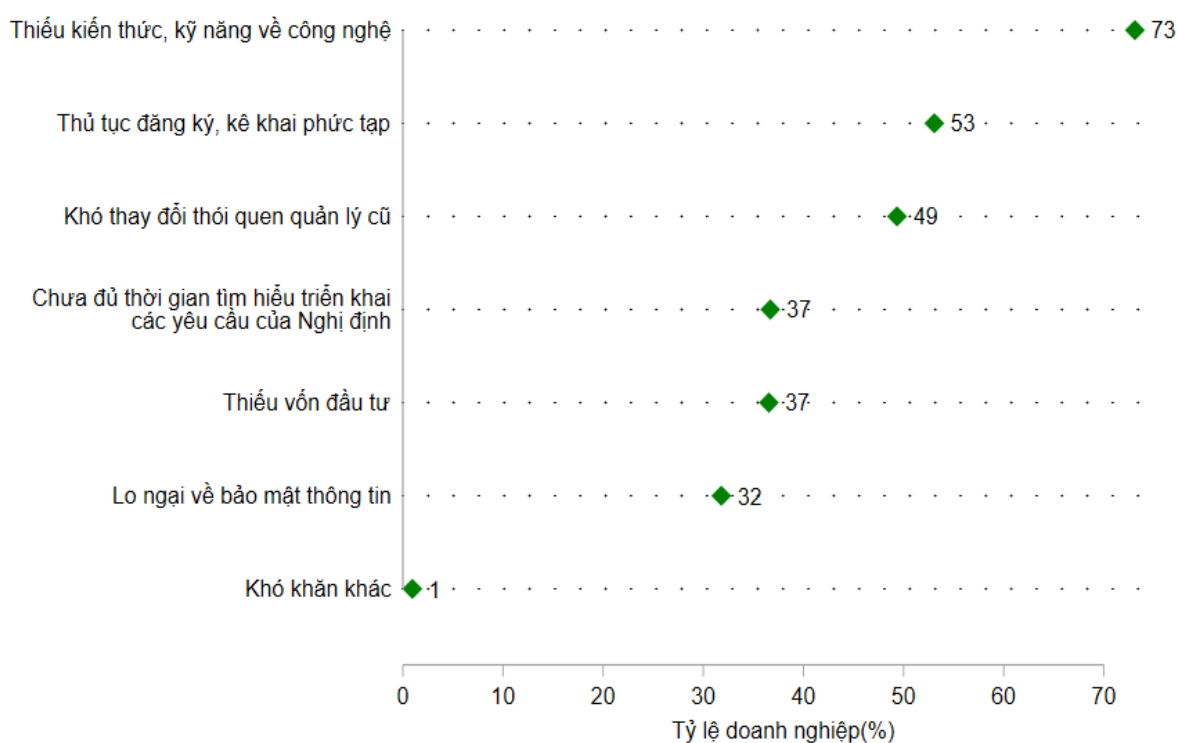
Hơn một nửa (53%) các HKD lo ngại về **sự phức tạp của các thủ tục đăng ký và kê khai**. Mặc dù mục tiêu của HĐĐT là đơn giản hóa, nhưng giai đoạn chuyển đổi ban đầu có thể liên quan đến các TTHC, đăng ký hệ thống và quy trình kê khai mới mà các HKD chưa nắm rõ hoặc cảm thấy rườm rà. Điều này cũng đã được phản ánh trong các

phân tích trước đó về gánh nặng thời gian và công sức quản lý hóa đơn, chứng từ khi quy mô doanh thu tăng lên. **Khó thay đổi thói quen cũ** là vấn đề có 49% HKD đưa ra. Khó khăn này phản ánh sức ì trong việc thích nghi với cái mới. Nhiều HKD đã quen với phương pháp ghi chép thủ công, sử dụng hóa đơn giấy và việc chuyển đổi sang hệ thống điện tử yêu cầu một sự thay đổi đáng kể trong tư duy và quy trình làm việc hàng ngày.

Tiếp đến, 37% các HKD cảm thấy **không có đủ thời gian để tìm hiểu và triển khai các yêu cầu** để tuân thủ nghĩa vụ này. Khó khăn này có thể xuất phát từ việc các HKD bận rộn với hoạt động kinh doanh hàng ngày hoặc thiếu thông tin, hướng dẫn kịp thời và rõ ràng từ cơ quan quản lý. Thời gian chuyển tiếp có thể không đủ để họ nắm bắt và chuẩn bị đầy đủ. Cũng có 37% các HKD lo ngại về vấn đề **thiếu vốn đầu tư** cho HĐĐT và thiết bị tính tiền. Việc triển khai hệ thống mới thường đi kèm với chi phí mua sắm thiết bị (máy POS, phần mềm hóa đơn), đào tạo nhân sự, và các chi phí liên quan. Đối với các HKD nhỏ lẻ, đặc biệt là những hộ có doanh thu thấp, đây có thể là một gánh nặng tài chính đáng kể.

Cuối cùng, 32% các HKD có mối bận tâm về vấn đề bảo mật thông tin khi chuyển sang hệ thống điện tử. Khi dữ liệu kinh doanh được số hóa và lưu trữ trực tuyến, các HKD có thể lo ngại về nguy cơ rò rỉ thông tin cá nhân, thông tin khách hàng, hoặc dữ liệu tài chính. Điều này cho thấy nhu cầu về các giải pháp bảo mật mạnh mẽ và sự tin tưởng vào hệ thống là rất quan trọng. Chỉ có 1% các HKD chọn Khó khăn khác, cho thấy những khó khăn chính đã được liệt kê khá đầy đủ và bao quát.

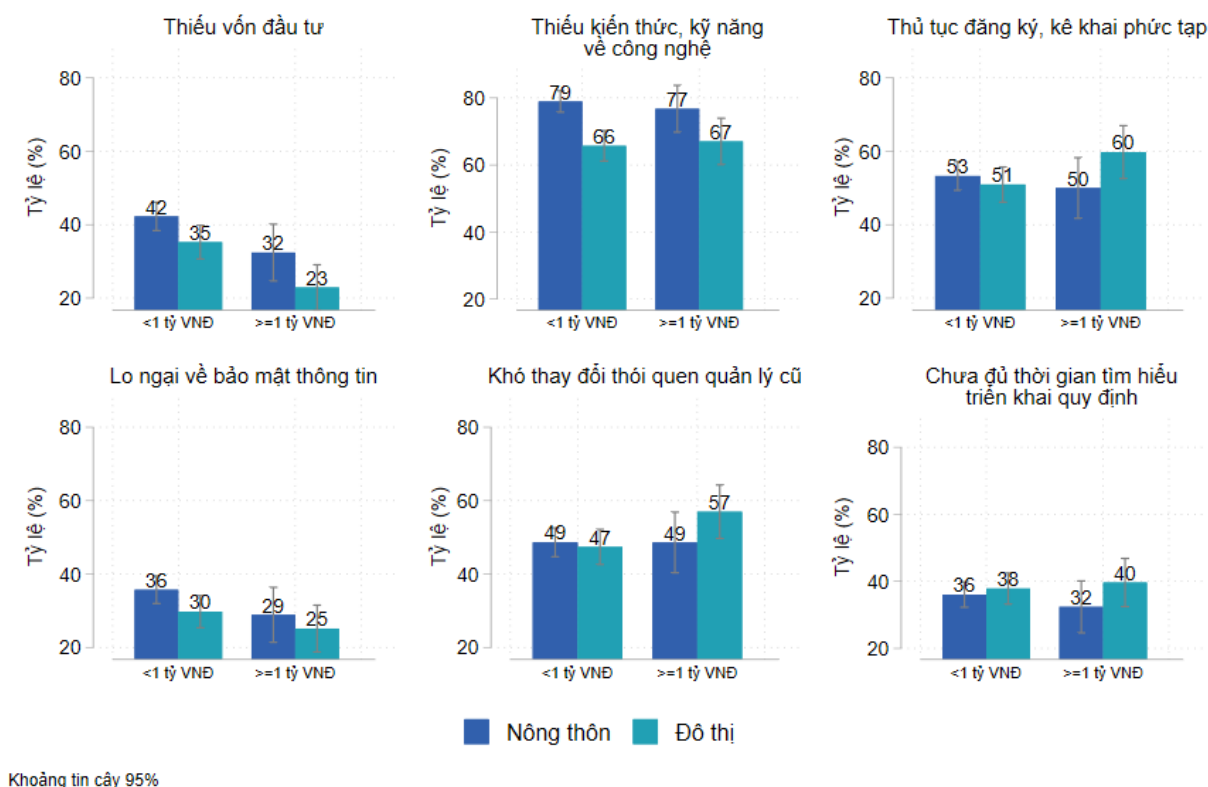
Hình 4.1. Khó khăn khi triển khai HĐĐT và thiết bị tính tiền



Khó khăn khi triển khai HĐĐT và thiết bị tính tiền theo đặc điểm HKD thể hiện ở Hình 4.2. Theo đó, các khó khăn dự kiến khi triển khai HĐĐT và thiết bị tính tiền có

sự **khác biệt rõ rệt giữa các nhóm HKD theo doanh thu và địa bàn hoạt động**. Thiếu kiến thức, kỹ năng về công nghệ là vấn đề nổi cộm nhất, đặc biệt ở khu vực nông thôn. Thiếu vốn đầu tư là mối lo lớn hơn đối với các HKD nhỏ (dưới 1 tỷ VNĐ) và ở nông thôn. Trong khi đó, thủ tục phức tạp và khó thay đổi thói quen cũ lại có xu hướng là mối lo lớn hơn đối với các HKD có doanh thu lớn hơn 1 tỷ ở khu vực đô thị.

Hình 4.2. Khó khăn khi triển khai HĐĐT và thiết bị tính tiền theo đặc điểm HKD



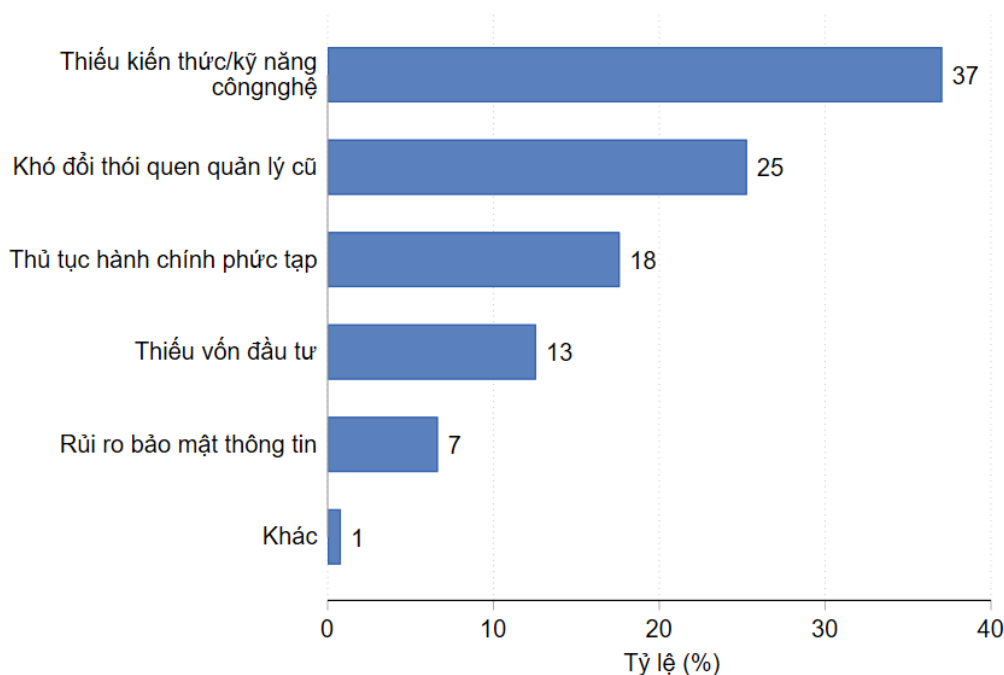
4.2 Thách thức

Dù các khó khăn gặp phải có thể đa dạng, song thách thức lớn nhất đối với HKD khi thực hiện nghĩa vụ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế là gì? Kết quả khảo sát cho thấy **thiếu kiến thức/kỹ năng công nghệ** là thách thức lớn nhất, chiếm tỷ lệ cao nhất là 37%. Điều này cho thấy rào cản về năng lực số là vấn đề cấp bách nhất đối với phần lớn HKD. Tiếp theo là **khó đổi thói quen quản lý cũ**, chiếm 25%. Sự ngại ngần thay đổi phương thức làm việc truyền thống sang hiện đại là một trở ngại đáng kể. **Thủ tục hành chính phức tạp** đứng thứ ba với 18%, phản ánh sự lo ngại về gánh nặng giấy tờ và quy trình khi tuân thủ quy định mới.

Thiếu vốn đầu tư chiếm 13%, cho thấy chi phí ban đầu để chuyển đổi công nghệ là một vấn đề đối với một bộ phận HKD. Rủi ro bảo mật thông tin là mối lo ngại ít nhất trong các lựa chọn được đưa ra, chỉ chiếm 7%. Điều này có thể cho thấy nhận thức

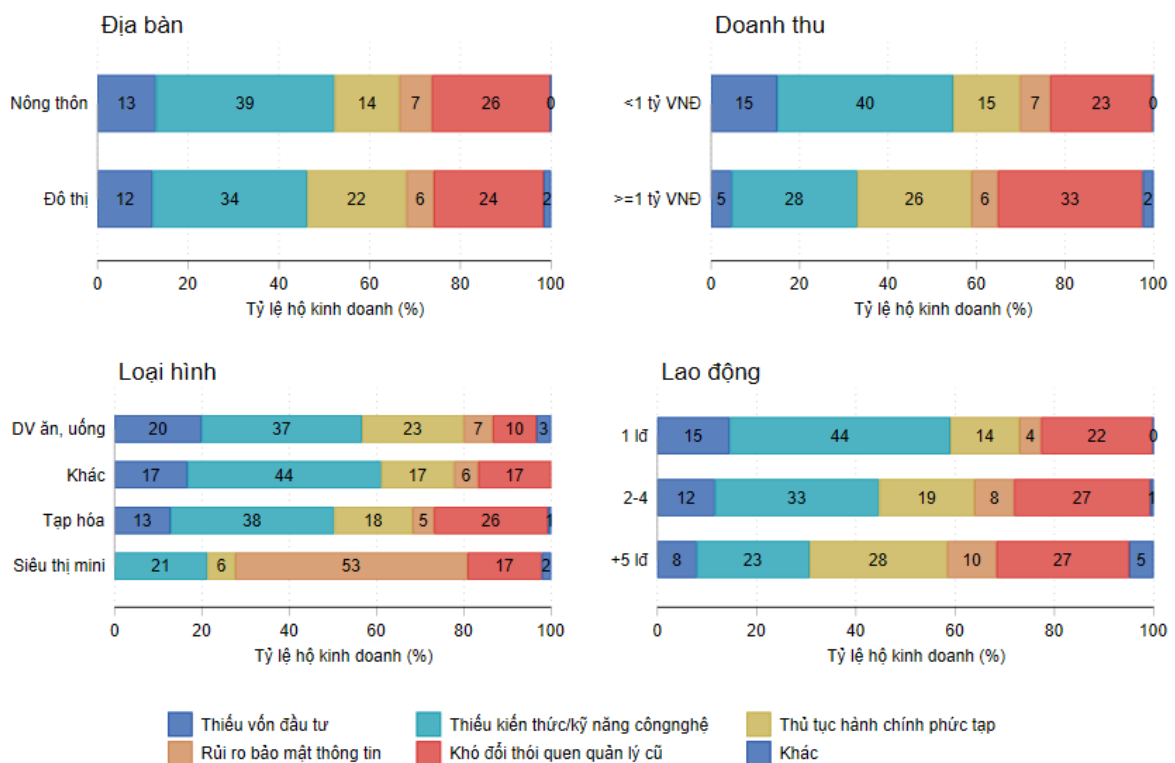
hoặc mức độ ưu tiên về an toàn thông tin chưa cao, hoặc các HKD chưa lường trước được đầy đủ các rủi ro này. Thách thức khác chiếm một tỷ lệ rất nhỏ là 1%.

Hình 4.3. Thách thức lớn nhất đối với HKD khi thực hiện nghĩa vụ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế



Hình 4.4 mô tả kết quả khảo sát về thách thức lớn nhất theo đặc điểm của HKD. Thiếu kiến thức/kỹ năng công nghệ là rào cản phổ biến nhất đối với đa số HKD, đặc biệt là ở nông thôn, các hộ nhỏ (dưới 1 tỷ VNĐ doanh thu và dưới 5 lao động), và các loại hình như cửa hàng Tạp hóa, cơ sở dịch vụ ăn, uống và nhóm Khác. Khó thay đổi thói quen quản lý cũ là thách thức đáng kể thứ hai, và thậm chí trở thành mối lo hàng đầu đối với các HKD có doanh thu lớn và số lượng lao động đông hơn. Thủ tục hành chính phức tạp trở thành mối quan ngại chính đối với các hộ ở đô thị, hộ có doanh thu lớn và các hộ có trên 5 lao động. Thiếu vốn đầu tư không phải là thách thức lớn đối với các hộ có doanh thu cao, nhưng lại là vấn đề đối với các cơ sở dịch vụ ăn, uống và HKD có 1 lao động. Rủi ro bảo mật thông tin nhìn chung ít được quan ngại nhất trong số các thách thức được liệt kê với nhiều nhóm HKD, song đáng ngạc nhiên lại là cao nhất đối với các Siêu thị mini. Dữ liệu cho thấy rằng **các giải pháp hỗ trợ HKD cần được điều chỉnh phù hợp với từng nhóm đối tượng, dựa trên đặc điểm về địa bàn, quy mô doanh thu, lĩnh vực hoạt động và số lượng lao động.**

Hình 4.4. Thách thức lớn nhất đối với HKD khi thực hiện nghĩa vụ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế



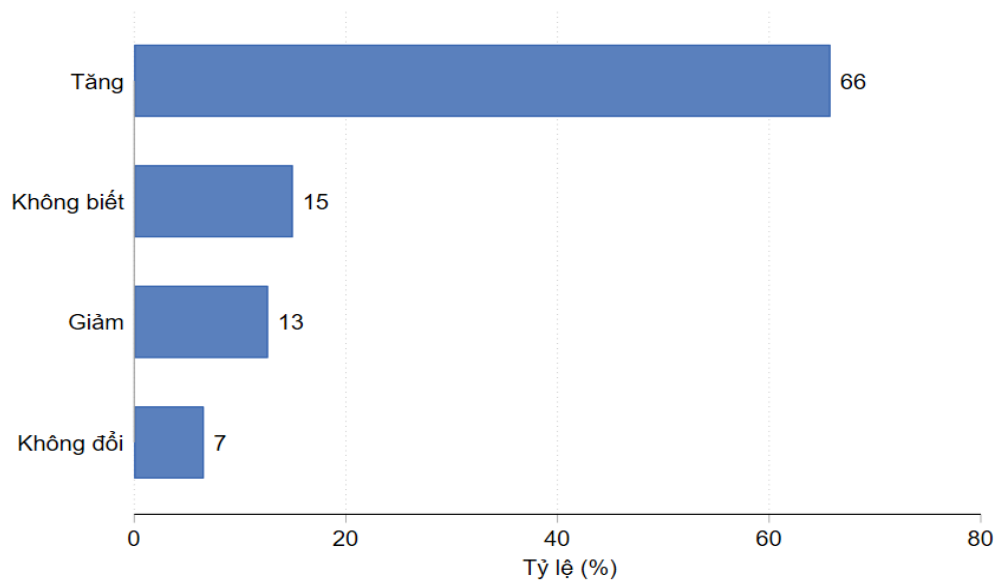
5. TÌNH HÌNH KINH DOANH DỰ KIẾN

Với việc áp dụng nghĩa vụ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, tình hình kinh doanh của HKD dự kiến sẽ thay đổi như thế nào trong năm nay? Câu hỏi này áp dụng cho năm đầu tiên mà HKD thực hiện nghĩa vụ này. Dưới đây là kết quả khảo sát câu hỏi này trên các khía cạnh chi phí vận hành, doanh thu và lợi nhuận của HKD.

5.1 Chi phí vận hành

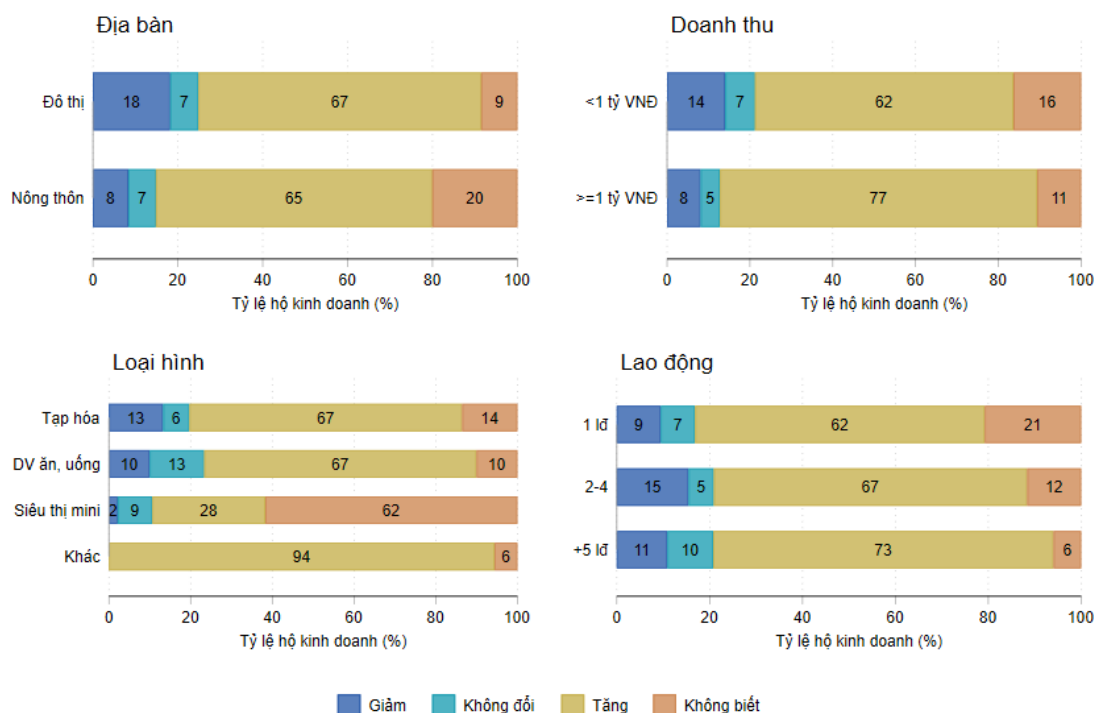
Khoảng 2/3 các HKD (66%) dự kiến chi phí vận hành sẽ tăng trong năm đầu tiên áp dụng. Đây là tỷ lệ cao nhất và cho thấy một mối lo ngại chung về gánh nặng chi phí có thể gia tăng. Khoảng 15% HKD không biết chi phí sẽ thay đổi như thế nào, 13% HKD dự kiến chi phí sẽ giảm. Chỉ 7% HKD dự kiến chi phí sẽ không đổi.

Hình 5.1. Dự kiến thay đổi về chi phí vận hành



Hình 5.2 trình bày kết quả khảo sát về dự kiến thay đổi của chi phí vận hành khi áp dụng nghĩa vụ này theo đặc điểm của HKD. Nhìn chung, dữ liệu cho thấy phần lớn các HKD đều dự kiến chi phí vận hành sẽ tăng. Mỗi **lo ngại về tăng chi phí đặc biệt cao ở các HKD có doanh thu trên 1 tỷ VNĐ (77%)**, các HKD trong nhóm Khác (94%), và **các HKD có trên 5 lao động (73%)**. Một tỷ lệ đáng kể các HKD, đặc biệt là ở khu vực nông thôn (20% không biết) và các hộ chỉ có 1 lao động (21% không biết), vẫn còn mơ hồ hoặc chưa chắc chắn về tác động của nghĩa vụ lên chi phí của họ. Rất ít HKD dự kiến chi phí sẽ giảm hoặc không đổi.

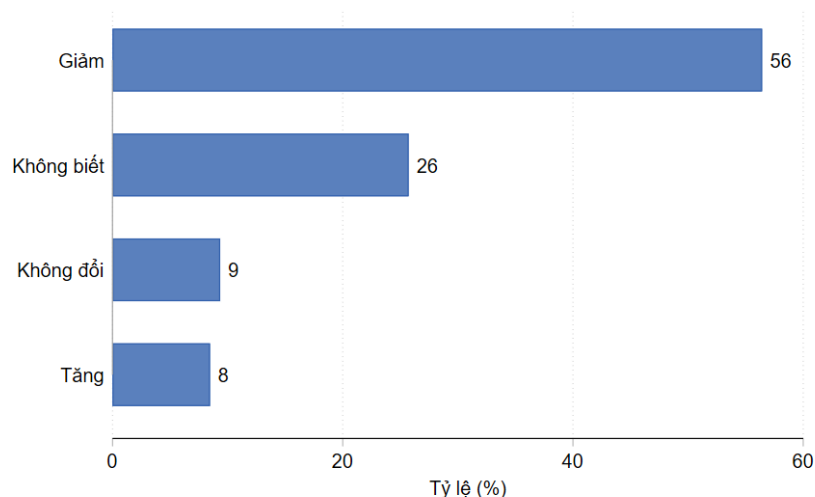
Hình 5.2: Thay đổi về chi phí vận hành theo đặc điểm HKD



5.2 Doanh thu

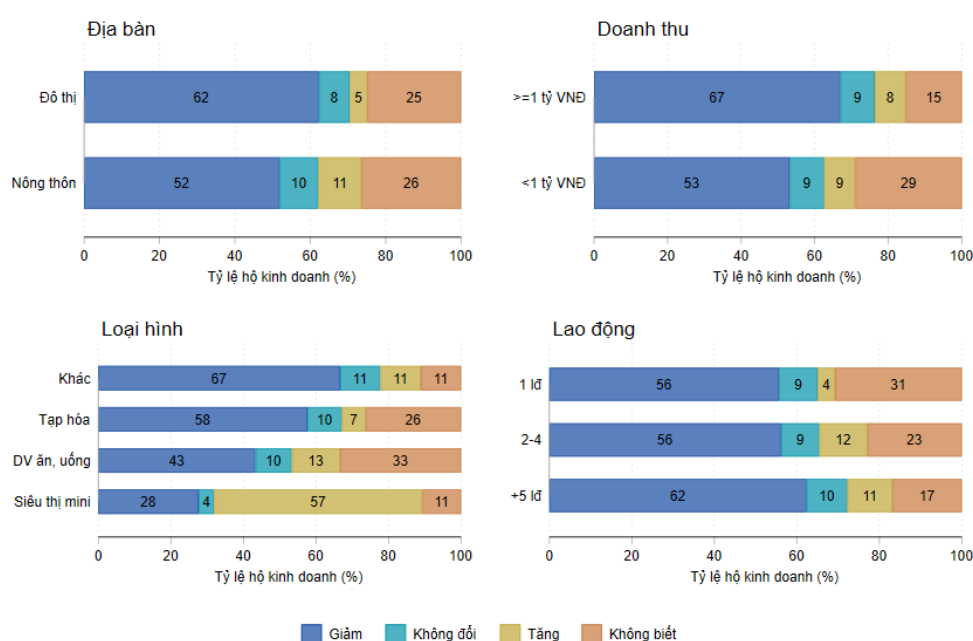
Có 56% HKD dự kiến doanh thu năm 2025 giảm. Một tỷ lệ đáng kể khác không chắc chắn về sự thay đổi của doanh thu (26% không biết). Chỉ 9% dự kiến doanh thu sẽ không đổi và 8% dự kiến doanh thu tăng.

Hình 5.3. Dự kiến thay đổi về doanh thu



Mức độ lo ngại giảm doanh thu cao nhất thể hiện ở các HKD quy mô lớn hơn (doanh thu trên 1 tỷ VNĐ, từ 5 lao động trở lên) và ở khu vực đô thị. Điều này có thể do các HKD này có cơ cấu phức tạp hơn, chịu tác động trực tiếp hơn từ các quy định mới. Mức độ không chắc chắn (Không biết) cao ở các HKD quy mô lao động nhỏ và ở các lĩnh vực như cơ sở dịch vụ ăn, uống. **Siêu thị mini là điểm sáng ngoại lệ:** Đây là lĩnh vực duy nhất mà đa số HKD dự kiến doanh thu tăng (57%), cho thấy một cơ hội hoặc lợi thế đặc biệt mà ngành này có thể mang lại cho mô hình kinh doanh này.

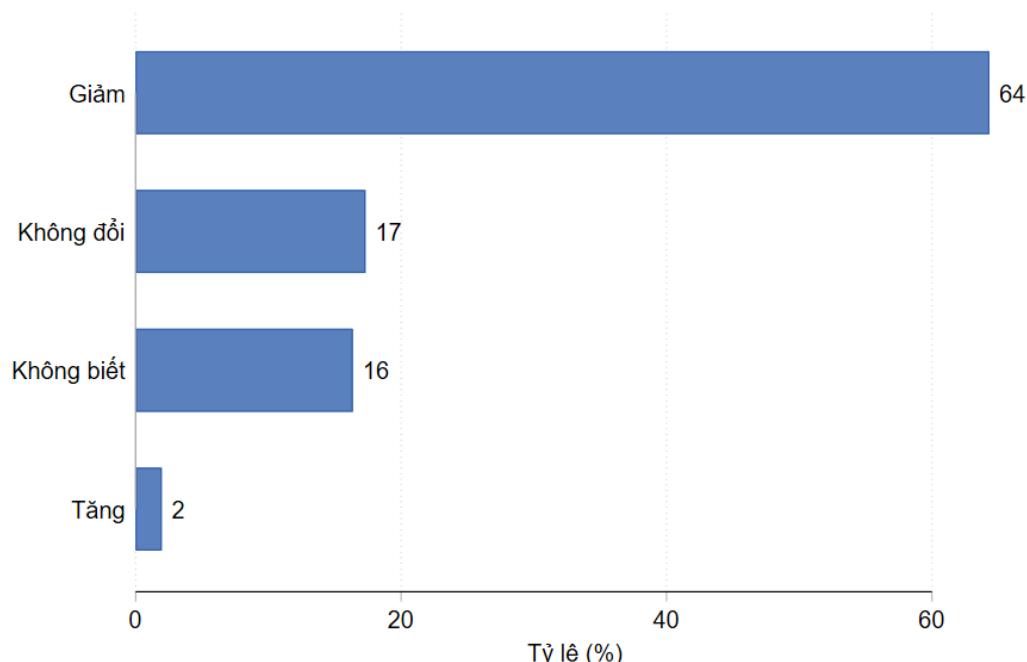
Hình 5.4. Dự kiến thay đổi về doanh thu theo đặc điểm HKD



5.3 Lợi nhuận

Khá nhiều HKD dự kiến lợi nhuận sẽ giảm với 64% HKD có chung nhận định này. Bên cạnh đó, 17% HKD dự kiến lợi nhuận không đổi và 16% không biết về sự thay đổi của lợi nhuận. Chỉ có 2% HKD dự kiến lợi nhuận sẽ tăng.

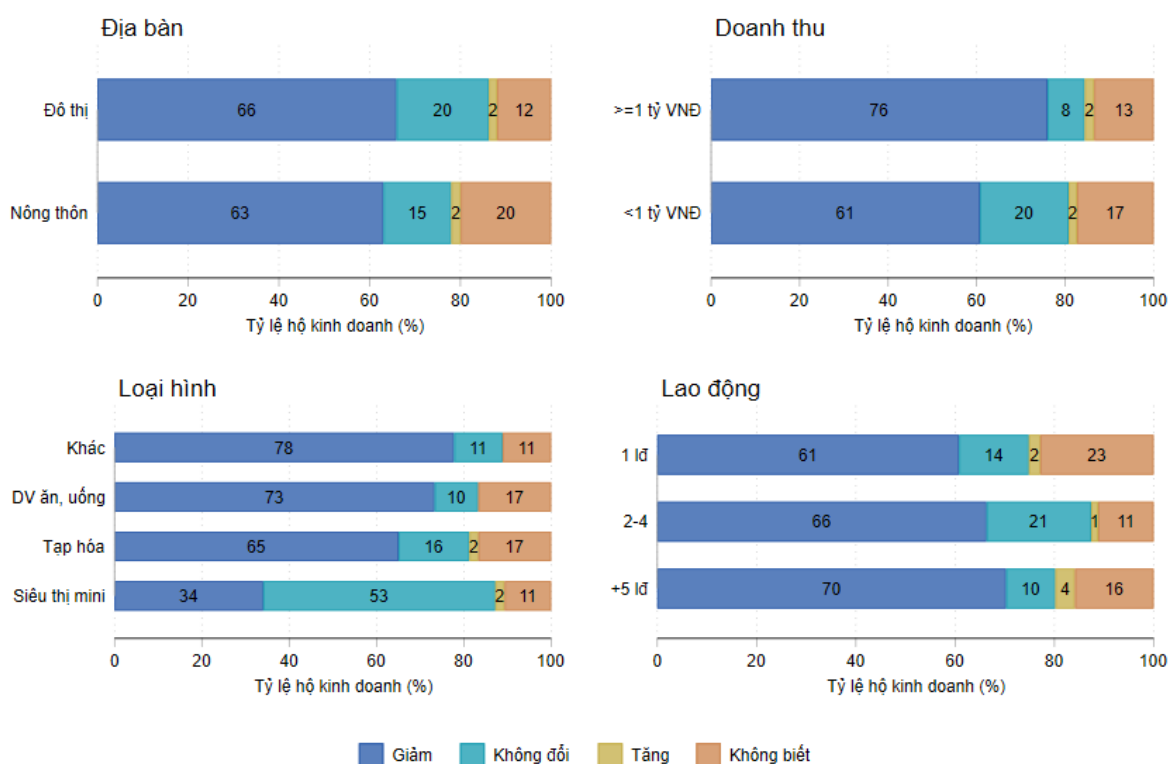
Hình 5.5. Dự kiến thay đổi về lợi nhuận



Dự kiến thay đổi về lợi nhuận theo đặc điểm HKD: Cả HKD ở đô thị và nông thôn đều có tỷ lệ lớn dự kiến lợi nhuận giảm. **Các HKD có quy mô doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên có tỷ lệ dự kiến giảm cao hơn** hẳn so với các hộ có quy mô doanh thu dưới 1 tỷ. Loại hình Khác và Quán ăn, uống có tỷ lệ dự kiến giảm lợi nhuận ở mức cao. Ngược lại, **siêu thị mini nổi bật với tỷ lệ dự kiến giảm lợi nhuận thấp nhất** và tỷ lệ không đổi cao nhất, cho thấy lĩnh vực này có vẻ ít bị ảnh hưởng tiêu cực hơn hoặc có khả năng duy trì lợi nhuận tốt hơn dưới tác động của nghĩa vụ mới. Các HKD có quy mô lao động lớn hơn (2-4 lao động và từ 5 lao động trở lên) có xu hướng bị quan hơn về lợi nhuận so với HKD chỉ có 1 lao động.

Có thể thấy các nhóm dự kiến bị ảnh hưởng tiêu cực nhất về lợi nhuận bao gồm các HKD có quy mô doanh thu năm trước từ 1 tỷ đồng trở lên, và các hộ hoạt động trong loại hình Khác hoặc Quán ăn, uống. Siêu thị mini là ngoại lệ tích cực: Loại hình này có tỷ lệ dự kiến giảm lợi nhuận thấp hơn đáng kể và tỷ lệ không đổi lại rất cao, cho thấy khả năng chống chịu hoặc ít bị ảnh hưởng tiêu cực hơn từ nghĩa vụ này.

Hình 5.6. Dự kiến thay đổi về lợi nhuận theo đặc điểm HKD



6. MONG MUỐN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA HỘ KINH DOANH

6.1 Mong muốn đối với sự hỗ trợ của cơ quan Nhà nước

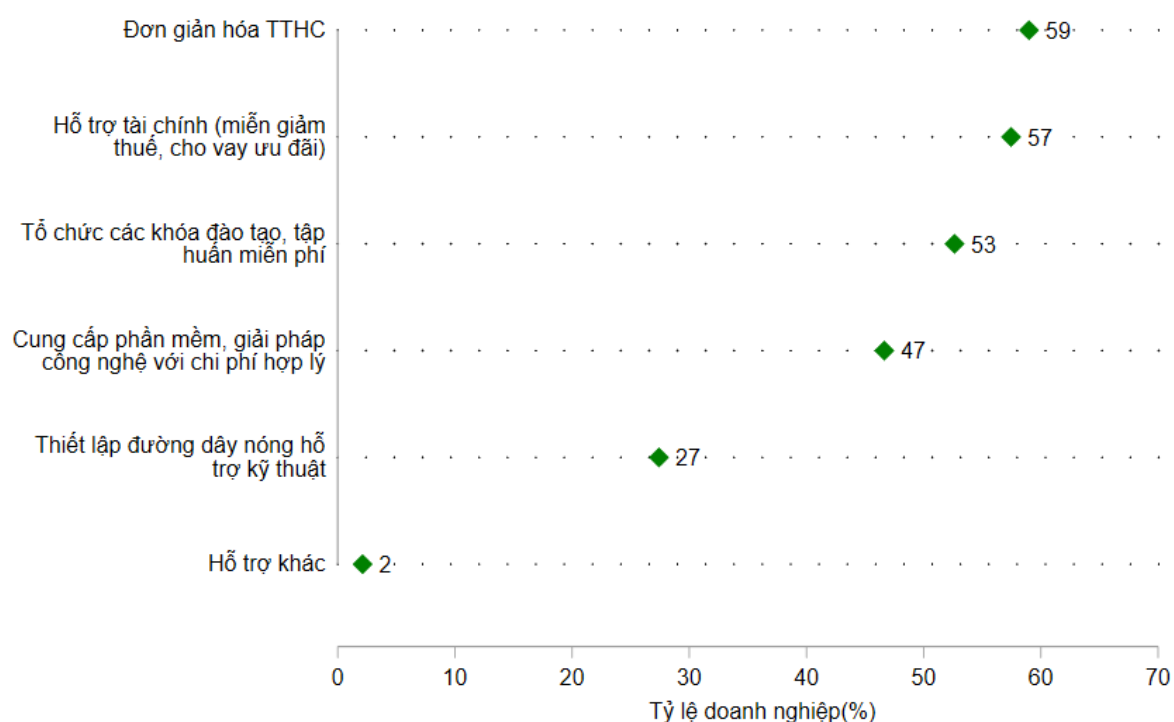
Các HKD mong muốn gì về sự hỗ trợ của CQNN để họ có thể tuân thủ tốt nghĩa vụ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế? Kết quả khảo sát cho thấy:

- **Giảm gánh nặng thủ tục:** Ưu tiên hàng đầu của HKD là cơ quan Nhà nước cần giảm gánh nặng thủ tục và tài chính cho họ. Cụ thể, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) là mong muốn nổi bật nhất, chiếm tỷ lệ 59%. Điều này cho thấy HKD đặc biệt cảm thấy gánh nặng từ các quy trình, giấy tờ hành chính và mong muốn được giảm bớt sự phức tạp để tuân thủ Nghị định 70 dễ dàng hơn.
- **Hỗ trợ tài chính** (miễn giảm thuế, cho vay ưu đãi) đứng thứ hai với 57%. Đây là một yếu tố quan trọng, phản ánh nhu cầu về nguồn lực tài chính để HKD có thể chuyển đổi, đầu tư vào các hệ thống hóa đơn điện tử hoặc trang trải các chi phí liên quan đến việc tuân thủ quy định mới.
- **Nhu cầu về kiến thức và công nghệ:** Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn miễn phí là mong muốn của 53% HKD. Điều này cho thấy nhu cầu lớn về việc nâng cao kiến thức, hiểu rõ hơn về Nghị định 70 và cách thức thực hiện, đặc biệt khi các quy định về hóa đơn, chứng từ có thể phức tạp đối với nhiều HKD.

chưa quen. Cung cấp phần mềm, giải pháp công nghệ với chi phí hợp lý được 47% HKD mong muốn. Trong bối cảnh chuyển đổi số hóa đơn, chứng từ, việc tiếp cận các công cụ công nghệ phù hợp và có mức giá phải chăng là rất cần thiết để HKD có thể áp dụng các quy định mới một cách hiệu quả.

• **Các hình thức hỗ trợ khác:** Thiết lập đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật chỉ có 27% HKD mong muốn. Mặc dù quan trọng, nhưng dường như đây không phải là ưu tiên hàng đầu so với các nhu cầu về tài chính, thủ tục và đào tạo/công nghệ. Điều này có thể ngụ ý rằng các HKD muốn được “cầm tay chỉ việc” ban đầu hoặc có giải pháp tổng thể hơn là chỉ một kênh hỗ trợ khi gặp vấn đề. Hỗ trợ khác chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ 2%. Điều này cho thấy các loại hình hỗ trợ được khảo sát đã bao quát khá đầy đủ các mong muốn chính của HKD, hoặc các nhu cầu “khác” là rất đa dạng và không tập trung vào một loại hình cụ thể nào.

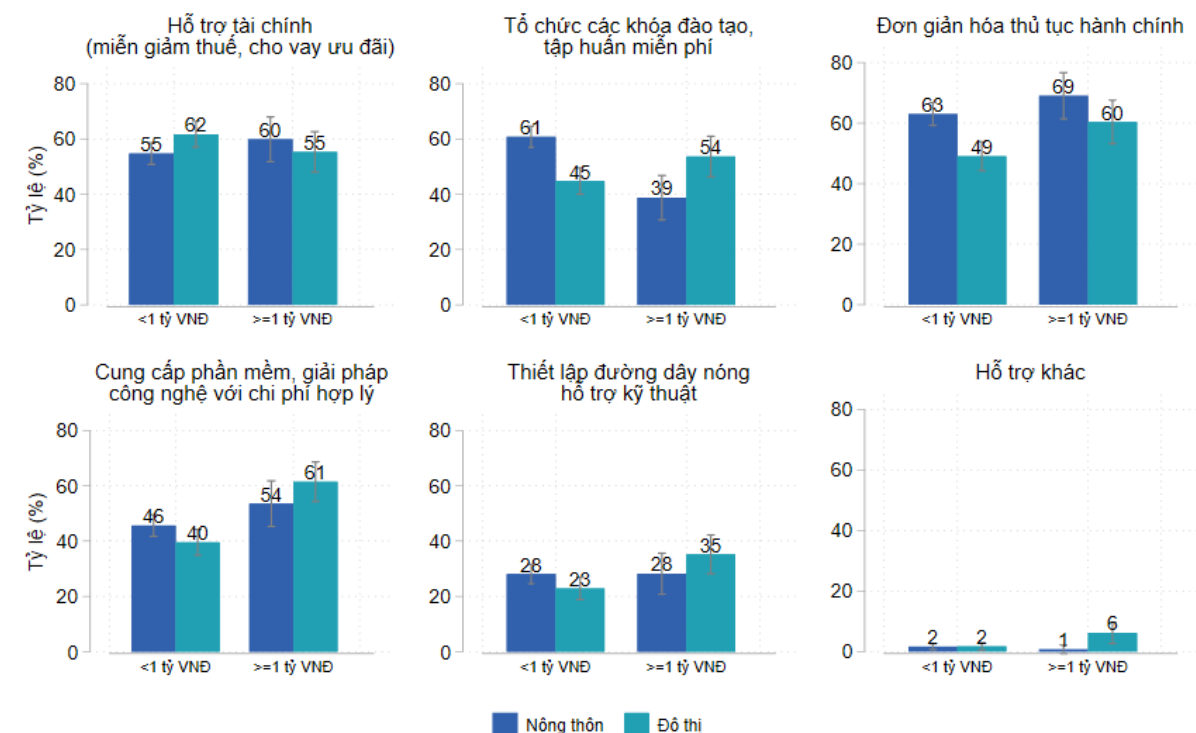
Hình 6.1. Mong muốn đối với sự hỗ trợ của cơ quan Nhà nước



Hình 6.2 mô tả chi tiết mong muốn đối với sự hỗ trợ của CQNN theo địa bàn hoạt động và quy mô doanh. Đơn giản hóa thủ tục hành chính là loại hình được ghi nhận nhiều nhất ở tất cả các nhóm, đặc biệt là HKD doanh thu từ 1 tỷ VND trở lên ở nông thôn (69%) và HKD doanh thu dưới 1 tỷ VND ở nông thôn (63%). Hỗ trợ tài chính có tỷ lệ cao nhất đối với HKD lớn hơn ở nông thôn (60%) và HKD nhỏ hơn ở đô thị (62%). Đối với việc Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn miễn phí và Cung cấp phần mềm/giải pháp công nghệ: HKD doanh thu dưới 1 tỷ VND ở nông thôn tỷ lệ cao hơn mong muốn nhận hỗ trợ so với đô thị: Đào tạo (61% nông thôn so với 45% đô thị), Công nghệ (46% nông thôn so với 40% đô thị). Ngược lại, HKD doanh thu từ 1 tỷ VND

trở lên ở đô thị lại có tỷ lệ cao hơn mong muốn nhận hỗ trợ so với nông thôn: Đào tạo (54% đô thị so với 39% nông thôn), Công nghệ (61% đô thị so với 54% nông thôn). Thiết lập đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật và Hỗ trợ khác là các hình thức có tỷ lệ nhận thấp nhất trên tất cả các nhóm đối tượng của HKD.

Hình 6.2. Mong muốn đối với sự hỗ trợ của CQNN theo đặc điểm HKD



Khoảng tin cậy 95%

Kết quả khảo sát cung cấp thông tin về những lĩnh vực mà cơ quan Nhà nước cần ưu tiên can thiệp để hỗ trợ HKD tuân thủ nghĩa vụ này. **Trọng tâm nên là giảm bớt gánh nặng hành chính và tài chính, cùng với việc nâng cao năng lực thông qua đào tạo và cung cấp giải pháp công nghệ phù hợp.** Việc hiểu rõ những mong muốn này giúp cơ quan Nhà nước xây dựng các chính sách hỗ trợ đúng trọng tâm, đạt hiệu quả cao, từ đó thúc đẩy sự tuân thủ quy định của các HKD.

6.2 Đề xuất, kiến nghị khác

Khảo sát có đề nghị các HKD nêu các đề xuất, kiến nghị để việc thực thi nghĩa vụ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế hiệu quả, phù hợp hơn với thực tế của họ. Có 650/1.368 HKD đưa ra các kiến nghị và đề xuất cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai. Những đề xuất, kiến nghị này có thể được tổng hợp thành các nhóm chính sau:

• Về thuế và chính sách tài chính:

- **Giảm mức thuế suất áp dụng:** Đây là kiến nghị phổ biến nhất, với mong muốn giảm thuế suất **trong hai năm đầu áp dụng** để hỗ trợ người bán thực hiện các quy định

- **Tăng hạn mức doanh thu chịu thuế:** có ý kiến đề xuất tăng ngưỡng doanh thu để áp dụng thuế, ví dụ lên 5 tỷ đồng/năm.
- **Về thời gian triển khai và giai đoạn chuyển đổi:**
 - **Kéo dài thời gian chuyển đổi, tạm lùi thời gian triển khai:** Các HKD đề nghị cho thêm thời gian ít nhất 1 năm để chuyển đổi và làm quen với phần mềm, thủ tục mới....
 - **Không áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính:** Kiến nghị không xử phạt các hành vi vi phạm liên quan đến hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trong giai đoạn từ ngày 01/06/2025 đến 31/12/2025.... Điều này nhằm tạo điều kiện cho HKD thích ứng, tránh tâm lý hoang mang và khuyến khích hợp tác tự nguyện.
 - **Không hồi tố truy thu nghĩa vụ thuế, xử phạt hoặc tịch thu với các giai đoạn trước:** Đây là một trong những rào cản lớn, do đó, các HKD kiến nghị không truy thu thuế hoặc xử phạt cho các lỗi trong quá khứ, đặc biệt liên quan đến tình trạng thiếu hóa đơn đầu vào hợp lệ cho hàng tồn kho trước ngày 01/6/2025....
- **Về hướng dẫn, tập huấn và hỗ trợ:**
 - **Hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, chi tiết, từng bước:** Yêu cầu này được nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần.... Các hộ mong muốn được giải thích rõ về cách thức tuân thủ nghĩa vụ này, không chỉ là nội dung quy định mà còn là các bước cần thực hiện một cách chi tiết, cụ thể
 - **Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, tư vấn:** Cần có các lớp học tập huấn kỹ năng làm thuế, tư vấn rõ về nghị định và thuế cho các cửa hàng tạp hóa, đặc biệt là những người lớn tuổi....
 - **Hỗ trợ trực tiếp từ cán bộ thuế:** Kiến nghị cán bộ thuế cần xuống trực tiếp hướng dẫn tại từng HKD....
 - **Hỗ trợ về phần mềm và thiết bị:** Đề xuất hỗ trợ cài đặt, cung cấp phần mềm và các giải pháp công nghệ để liên kết phần mềm bán hàng với phần mềm xuất hóa đơn, đồng thời hỗ trợ về trang thiết bị như máy tính tiền....
 - **Hỗ trợ thuyết phục khách hàng lấy hoá đơn:** có giải pháp hỗ trợ HKD trong việc thuyết phục khách hàng nhận hoá đơn, do nhiều khách hàng không muốn cung cấp thông tin cá nhân hoặc không muốn nhận hoá đơn.
 - **Truyền thông chính thống, đồng bộ:** Yêu cầu có các thông báo chính thống, văn bản trực tiếp đến từng HKD, thay vì chỉ qua internet hoặc báo đài, để người dân, HKD, doanh nghiệp nắm rõ....
- **Về đơn giản hóa thủ tục hành chính:**
 - **Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ:** Đây cũng là một kiến nghị rất phổ biến nhằm giảm bớt sự phức tạp trong quản lý, đặc biệt là đối

với HKD nhỏ lẻ và người lớn tuổi.... Cụ thể là đơn giản hóa thủ tục kê khai và viết hóa đơn....

- **Phù hợp với lợi nhuận từng ngành nghề:** Đơn giản hóa cần phù hợp với đặc thù và lợi nhuận của từng ngành nghề kinh doanh.
- **Lập hoá đơn bán hàng:** cho phép người bán ghi trên hoá đơn “người mua không cung cấp thông tin” trường hợp bán lẻ và người mua không đồng ý cung cấp thông tin.

• **Các phản ánh, kiến nghị khác:**

- **Thị trường minh bạch:** Mong muốn một thị trường minh bạch hơn.
- **Tính công bằng và chi tiết cách tính thuế:** Cần chi tiết thêm về cách tính thuế đối với các ngành nghề khác nhau, đảm bảo tính công bằng.
- **Hỗ trợ vốn:** Đề xuất hỗ trợ nguồn vốn đầu tư cho HKD.
- **Áp dụng đồng loạt và phù hợp với thực tế:** Đảm bảo thông tin và việc áp dụng rộng rãi, đồng loạt để khách hàng không phàn nàn....
- **Trách nhiệm của HKD/người bán khi không xác định được người mua hàng:** cơ quan thuế không xử phạt người bán đã thực hiện nghĩa vụ xuất hoá đơn nhưng không có thông tin người mua hoặc không xác định được người mua hàng (như trường hợp đã dừng mua hàng từ lâu hay không kinh doanh nữa...)
- **Trách nhiệm của đại lý/bán buôn:** trong nhiều trường hợp, đại lý/bán buôn gặp khó khăn khi xuất hoá đơn vì khó xác định rõ khách hàng là cá nhân tiêu dùng hay kinh doanh hoặc khách hàng từ chối cung cấp thông tin cá nhân để lập hoá đơn, nên không thể xuất hóa đơn hợp lệ, hoặc lo ngại rủi ro bị xử phạt nếu vẫn thực hiện xuất hóa đơn không đủ thông tin. Cần cho phép người bán ghi trên hóa đơn như sau: "Người mua không cung cấp thông tin" trong trường hợp người mua không đồng ý cung cấp thông tin và không xử phạt hành chính khi hậu kiểm nếu đã xuất hoá đơn mà không có đủ thông tin người mua.
- Lưu ý tới **nhóm cửa hàng tạp hóa ở nông thôn:** Đây là nhóm đặc biệt khó thực hiện chế độ hóa đơn vì thường tự làm tất cả, không có thời gian và lãi không đủ để thuê người làm.
- **Lắng nghe ý kiến người dân:** Đề xuất luật nên lắng nghe ý kiến của người dân để có chính sách phù hợp

7. KIẾN NGHỊ

Từ kết quả phân tích ở trên, để chính sách đi vào cuộc sống một cách hiệu quả và bền vững và để giúp các HKD vượt qua thách thức, ổn định hoạt động và phát triển trong môi trường kinh doanh mới, cần có sự đồng hành, hỗ trợ quyết liệt và thực chất

từ phía cơ quan nhà nước và các bên có liên quan. Trong đó, các cơ quan Nhà nước có thể cân nhắc thực hiện các giải pháp sau:

(1) Giảm thiểu các khó khăn và tăng cường hỗ trợ:

- **Giảm thiểu số lượng khó khăn:** Kết quả phân tích cho thấy là càng gặp nhiều khó khăn, HKD càng đưa ra đánh giá tiêu cực. Do đó, cơ quan Nhà nước cần **chủ động xác định và giải quyết các vướng mắc, khó khăn thực tế** mà các hộ kinh doanh đang gặp phải trong quá trình thực hiện Nghị định này.
- **Tăng cường hỗ trợ của cơ quan Thuế:** Mức độ hỗ trợ từ cơ quan Thuế được đánh giá càng cao, thì góp phần giảm đáng kể tỷ lệ HKD đánh giá tiêu cực và lo ngại về quy định mới. Điều này cho thấy rằng việc **cung cấp hỗ trợ đầy đủ và kịp thời từ cơ quan Thuế** sẽ giúp giảm bớt lo ngại và cải thiện cái nhìn của hộ kinh doanh.
- **Thông tin một cách toàn diện** cho các hộ, cá nhân kinh doanh: Các HKD, cá nhân kinh doanh trước đây chỉ nộp thuế khoán với thủ tục đơn giản. Việc chuyển đổi sang sử dụng hoá đơn từ máy tính tiền và sắp tới là bỏ thuế khoán sẽ yêu cầu các HKD, cá nhân kinh doanh cần chuẩn bị và thực hiện một loạt các công việc để đáp ứng. Với nguồn lực vô cùng hạn chế, các HKD, cá nhân này khó có thể hiểu được cụ thể, chi tiết các nội dung cần thực hiện để đáp ứng các quy định như vậy. Cơ quan Thuế cần chủ động ban hành các hướng dẫn chi tiết (chẳng hạn như Sổ tay, Infographic...) để HKD, cá nhân kinh doanh nắm bắt, hiểu được các công việc cần chuẩn bị.
- **Hỗ trợ tiếp cận với các nhà cung cấp dịch vụ:** cơ quan Thuế nên có một danh sách các nhà cung cấp dịch vụ đi kèm với thông tin dịch vụ, giá cả, thông tin liên hệ, để HKD, cá nhân kinh doanh tiện tra cứu, liên hệ.

(2) Nâng cao chất lượng thông tin và sự hiểu biết:

- **Tận dụng hiệu quả các kênh thông tin chính thống:**
 - Việc tiếp cận thông tin qua kênh cơ quan Thuế có thể làm giảm đáng kể những đánh giá tiêu cực của HKD về nghĩa vụ mới. Điều này cho thấy việc **tăng cường tương tác và công khai thông tin từ cơ quan Thuế** sẽ giúp giảm lo ngại và đánh giá tiêu cực.
 - Kênh Báo chí, truyền hình có thể góp phần làm giảm tỷ lệ đánh giá tác động tiêu cực của HKD về nghĩa vụ mới. Cơ quan Nhà nước nên **tận dụng các kênh truyền thông chính thống này** để cung cấp thông tin khách quan, chính xác trong tương lai.
- **Tối ưu hóa việc sử dụng không chính thức**
 - Mạng xã hội là kênh cho thấy góp phần giảm đáng kể đến đánh giá tiêu cực và lo ngại của HKD. Điều này gợi ý rằng thông tin trên mạng xã hội,

trong bối cảnh hiện nay nhiều cơ quan Nhà nước bắt đầu sử dụng rộng rãi kênh này, đang giúp giảm bớt các đánh giá tiêu cực của HKD. Cơ quan Nhà nước có thể xem xét **đẩy mạnh sử dụng mạng xã hội một cách có chiến lược** để truyền tải thông tin tích cực và giải đáp vướng mắc.

- **Truyền miệng** dường như là kênh làm gia tăng lo ngại của HKD một cách đáng kể. Do vậy, việc truyền thông chính sách cần có định hướng để kênh này có thể truyền tải các thông tin chính thống tới các HKD.
- **Cải thiện mức độ hiểu biết của HKD về nghĩa vụ mới để giảm lo ngại:** Mức độ hiểu biết các quy định càng tăng có mối tương quan nghịch với mức độ lo ngại của HKD. Điều này ngụ ý rằng việc **đảm bảo HKD hiểu rõ ràng và đầy đủ nội dung quy định** là cực kỳ quan trọng có thể góp phần giải tỏa lo ngại của họ.

(3) Quan tâm đến các nhóm hộ kinh doanh đặc thù:

- **Hộ kinh doanh có quy mô lao động lớn:** Các HKD có nhiều lao động hơn có xu hướng đánh giá tiêu cực hơn. Cơ quan Nhà nước cần **nghiên cứu sâu hơn các vấn đề liên quan đến các HKD có số lao động lớn** và cung cấp các chính sách hỗ trợ hoặc hướng dẫn cụ thể cho nhóm này.
- **Hộ kinh doanh có doanh thu từ 1 tỷ trở lên:** Nhóm HKD có doanh thu trên 1 tỷ VNĐ có mức độ lo ngại cao hơn đáng kể. Cơ quan Nhà nước cần **chú ý đặc biệt và có thể có các chính sách hoặc kênh hỗ trợ riêng** cho nhóm HKD quy mô lớn này để giải quyết các lo ngại đặc thù của họ.
- **Hộ kinh doanh Tập hóa:** Các HKD Tập hóa có mức độ lo ngại cao hơn đáng kể so với các nhóm khác, cho thấy có thể có những thách thức riêng mà nhóm này đang đối mặt. Cơ quan Nhà nước nên **xem xét các quy định và tác động của nghĩa vụ mới lên các hộ tập hóa** để có những điều chỉnh hoặc hỗ trợ phù hợp.

(4) Nâng cao hiệu quả phối hợp với các Hội/Hiệp hội:

- Việc tiếp cận thông tin qua kênh Hội/Hiệp hội góp phần đáng kể tới việc giảm những đánh giá tiêu cực cũng như mức độ lo ngại về việc thực hiện Nghị định 70. Cùng với vai trò hỗ trợ hội viên, các hội/hiệp hội có thể là nơi các vấn đề và lo ngại được thảo luận, tập hợp và tìm kiếm giải pháp. Cơ quan Nhà nước cần **tăng cường đối thoại và phối hợp với các hội/hiệp hội** để hiểu rõ hơn các nguyên nhân gốc rễ của lo ngại, đồng thời thông qua các tổ chức này để truyền tải thông tin chính xác và giải pháp kịp thời tới cộng đồng kinh doanh, trong đó có các HKD.

(5) Bổ sung các quy định phù hợp trong giai đoạn chuyển tiếp để hỗ trợ HKD an tâm chuyển đổi

- Bổ sung thời gian chuyển tiếp không áp dụng xử phạt hành chính với quy định áp dụng HĐĐT với HKD: Các quy định về HĐĐT tác động rất lớn đối với HKD. Thực tế

khảo sát cho thấy, HKD lúng túng, gặp khó khăn trong việc áp dụng đối với quy định này. Để tạo điều kiện cho HKD nhận biết và thích ứng chính sách, cần bổ sung quy định về thời gian chuyển tiếp đối với nghĩa vụ mới này. Do vậy, cần cân nhắc một thời gian chuyển tiếp hợp lý, có thể là 06 tháng.

Trong giai đoạn tới, khi sửa đổi các chính sách về kế toán, hóa đơn, chứng từ với HKD, cần đảm bảo khoảng thời gian chuyển tiếp đủ dài với nhóm đối tượng này: (1) Các quy định và hướng dẫn chi tiết, bao gồm cấp luật, nghị định, thông tư hay văn bản hướng dẫn cần được ban hành đầy đủ trước 01 năm so với thời điểm áp dụng; (2) Trong khoảng thời gian 01 năm kể từ khi ban hành, cơ quan thuế tích cực tuyên truyền, hướng dẫn HKD tìm hiểu và áp dụng quy định mới. Cách làm này sẽ phù hợp với nhóm đối tượng HKD này – với số lượng đông đảo nhưng nguồn lực và trình độ hạn chế.

• **Bổ sung quy định không hồi tố truy thu nghĩa vụ thuế, xử phạt hoặc tịch thu với giai đoạn trước khi áp dụng HĐĐT:** Một trong những rào cản lớn khiến nhiều hộ kinh doanh e ngại thực hiện kê khai là lo ngại bị truy thu, xử phạt thuế cho các giai đoạn trước đây hoặc tịch thu hàng hóa tồn kho, do (i) chuyển sang xuất hóa đơn từ máy tính tiền sẽ khiến mức thuế phải nộp trong các tháng tới tăng cao so với mức thuế khoán trong các tháng đã qua, và (ii) tình trạng thiếu hóa đơn đầu vào hợp lệ cho hàng tồn kho trước ngày 1/6/2025 tại các hộ kinh doanh.

Chính sách không hồi tố sẽ tạo điều kiện để hộ kinh doanh yên tâm thực hiện chuyển đổi, hợp thức hóa hoạt động.

(6) Bổ sung chính sách hỗ trợ HKD chuyển đổi sang áp dụng HĐĐT

Việc chuyển đổi sang áp dụng HĐĐT là sự thay đổi lớn, đặt ra yêu cầu về đầu tư trang thiết bị, phần mềm, cũng như thời gian, sức lực để học hỏi và tuân thủ quy định. Trong khi đó, phần lớn các HKD đều nhỏ lẻ, nguồn lực hạn chế. Do đó, cần cân nhắc áp dụng chính sách miễn hoặc giảm thuế trong thời gian đầu (ví dụ từ 6 đến 12 tháng) để hỗ trợ hộ kinh doanh ổn định trong giai đoạn chuyển đổi, đồng thời tạo động lực khuyến khích tuân thủ và tham gia chính thức vào hệ thống thuế. Đây cũng là bước đệm quan trọng để phát triển nguồn thu ổn định, minh bạch và bền vững trong dài hạn

(7) Xây dựng quy định về chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ phù hợp với thực tiễn kinh doanh của HKD

- **Thông tin người mua trên HĐĐT:** Nghị định 70/2025/NĐ-CP yêu cầu trên HĐĐT phải có mã số thuế hoặc số định danh cá nhân của người mua, trừ trường hợp mua hàng tại siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng xăng dầu, kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng. Quy định dẫn đến khó khăn cho các HKD, đặc biệt là trong các ngành nghề tạp hóa, siêu thị mini, bán đồ ăn. Tính chất các ngành nghề này của HKD tương tự với các siêu thị khi bán trực tiếp

đến người tiêu dùng, với số lượng khách lẻ lớn. Số lượng đơn hàng phát sinh mỗi ngày có thể lớn nhưng giá trị đơn hàng nhỏ, thời gian mua hàng nhanh. Việc yêu cầu các HKD cũng phải xuất HĐĐT có thông tin người mua sẽ gây ra khó khăn lớn, có thể phát sinh thêm nhân lực (chỉ để nhập liệu và xuất hóa đơn) hoặc gây ra tâm lý không thoải mái từ người mua. Do vậy, cần cho phép HĐĐT của HKD không nhất thiết phải có mã số thuế hoặc số định danh cá nhân của người mua với trường hợp người mua là cá nhân không kinh doanh.

Ngoài ra, các đại lý/bán buôn cũng gặp nhiều khó khăn do khi xuất hóa đơn vì không phải lúc nào cũng phân biệt được người mua là nhà bán lẻ (HKD) hay người tiêu dùng và bị người mua từ chối cung cấp thông tin định danh hoặc mã số thuế. Do vậy, cũng cần thiết nghiên cứu một cơ chế xử lý phù hợp cho các chủ thể này.

- **Cần xây dựng lộ trình thực hiện sổ sách kế toán đầu vào phù hợp:** Các HKD đang cố gắng làm quen và tuân thủ quy định mới về HĐĐT, vốn tạo ra nhiều thách thức như đã nêu. Trong bối cảnh đó, nếu đồng thời yêu cầu các HKD phải lập và quản lý sổ sách kế toán đầu vào, sẽ tạo ra gánh nặng vượt quá năng lực và nguồn lực của các HKD.

PHỤ LỤC

Bảng 1. Địa bàn hoạt động của Hộ kinh doanh

Địa bàn hoạt động	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Nông thôn	769	56,21	56,21
Đô thị	599	43,79	100,00
Tổng cộng	1368	100,00	

Bảng 2. Loại hình ngành nghề của Hộ kinh doanh

Loại hình	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Tạp hóa	1273	93,06	93,06
Siêu thị	47	3,44	96,49
DV ăn, uống	30	2,19	98,68
Khác	18	1,32	100,00
Tổng cộng	1368	100,00	

Bảng 3. Quy mô doanh thu của Hộ kinh doanh

Doanh thu năm 2024	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Dưới 1 tỷ đồng	1047	76,54	76,54
Từ 1 tỷ đồng trở lên	321	23,46	100,00
Tổng cộng	1368	100,00	

Bảng 4. Quy mô lao động của Hộ kinh doanh

Số lao động	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
1 lao động	569	41,59	41,59
2-4 lao động	698	51,02	92,62
Từ 5 lao động trở lên	101	7,38	100,00
Tổng cộng	1368	100,00	

Bảng 5. Tình hình hoạt động của Hộ kinh doanh vào thời điểm khảo sát

Tình trạng hiện tại	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Đang hoạt động	1322	96,64	96,64
Tạm ngừng	38	2,78	99,42
Giải thể	8	0,58	100,00
Tổng cộng	1368	100,00	

Bảng 6. Hộ kinh doanh đã biết đến Nghị định 70 chưa?

Đã biết đến Nghị định 70?	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Chung	Chưa biết	88	6,43
	Đã biết	1280	93,57
	Tổng cộng	1368	100,00
Nông thôn	Chưa biết	58	7,54
	Đã biết	1280	93,57

	Đã biết	711	92,46	100,00
Thành thị				
	Chưa biết	30	5,01	5,01
	Đã biết	569	94,99	100,00
Doanh thu dưới 1 tỷ đồng				
	Chưa biết	83	7,93	7,93
	Đã biết	964	92,07	100,00
Doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên				
	Chưa biết	5	1,56	1,56
	Đã biết	316	98,44	100,00

Bảng 7. Hộ kinh doanh biết đến Nghị định 70 qua những kênh nào?

(Chọn nhiều đáp án) (1/0 - Chọn/Không chọn)

Kênh thông tin	Số quan sát	Giá trị trung bình	Sai số chuẩn	Khoảng tin cậy 95%	
				Cận dưới	Cận trên
Chung					
Báo chí, truyền hình	1368	0,638	0,013	0,613	0,664
Mạng xã hội	1368	0,573	0,013	0,547	0,599
Cơ quan Thuế	1368	0,327	0,013	0,302	0,352
Hội/Hiệp hội ngành nghề	1368	0,083	0,007	0,068	0,097
Truyền miệng	1368	0,386	0,013	0,360	0,412
Khác	1368	0,01	0,013	0,613	0,664
Nông thôn					
Báo chí, truyền hình	769	0,632	0,017	0,598	0,666
Mạng xã hội	769	0,637	0,017	0,603	0,671
Cơ quan Thuế	769	0,390	0,018	0,356	0,425
Hội/Hiệp hội ngành nghề	769	0,104	0,011	0,082	0,126
Truyền miệng	769	0,445	0,018	0,410	0,480
Khác	769	0,005	0,003	0,000	0,010
Đô thị					
Báo chí, truyền hình	599	0,646	0,020	0,608	0,684
Mạng xã hội	599	0,491	0,020	0,451	0,531
Cơ quan Thuế	599	0,245	0,018	0,211	0,280
Hội/Hiệp hội ngành nghề	599	0,055	0,009	0,037	0,073
Truyền miệng	599	0,311	0,019	0,273	0,348
Khác	599	0,017	0,005	0,006	0,027
Khác	321	0,012	0,006	0,000	0,025

Bảng 8. Mức độ hiểu biết của Hộ kinh doanh về quy định sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu điện tử với cơ quan thuế

Mức độ hiểu biết	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Chung			
Chưa hiểu	265	20,70	20,70
Sơ bộ/Không rõ cần làm gì	869	67,89	88,59

	Hiểu rõ	146	11,41	100,00
	Tổng cộng	1280	100,00	
Nông thôn				
	Chưa hiểu	150	21,1	21,1
	Sơ bộ/Không rõ cần làm gì	468	65,82	86,92
	Hiểu rõ	93	13,08	100
Đô thị				
	Chưa hiểu	115	20,21	20,21
	Sơ bộ/Không rõ cần làm gì	401	70,47	90,69
	Hiểu rõ	53	9,31	100
Dưới 1 tỷ				
	Chưa hiểu	206	21,37	21,37
	Sơ bộ/Không rõ cần làm gì	653	67,74	89,11
	Hiểu rõ	105	10,89	100
Từ 1 tỷ trở lên				
	Chưa hiểu	59	18,67	18,67
	Sơ bộ/Không rõ cần làm gì	216	68,35	87,03
	Hiểu rõ	41	12,97	100

Bảng 9. Cơ quan Thuế địa phương có hỗ trợ/hướng dẫn Hộ kinh doanh?

Hỗ trợ/hướng dẫn của cơ quan Thuế địa phương	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Chung			
Chưa liên hệ, hướng dẫn	694	50,73	50,73
Có, song còn chung chung	479	35,01	85,75
Có, rất rõ ràng	195	14,25	100,00
Tổng cộng	1368	100,00	
Nông thôn			
Chưa liên hệ, hướng dẫn	375	48,76	48,76
Có, song còn chung chung	255	33,16	81,92
Có, rất rõ ràng	139	18,08	100
Đô thị			
Chưa liên hệ, hướng dẫn	319	53,26	53,26
Có, song còn chung chung	224	37,4	90,65
Có, rất rõ ràng	56	9,35	100

Bảng 10. Mức độ tác động đến một số khía cạnh cụ thể (thang điểm từ 1 đến 5, với 1 là "Có, song không tác động đáng kể" và 5 là "Tác động rất lớn")

Mức độ tác động tiêu cực trên các khía cạnh	Số quan sát	Giá trị trung bình	Sai số chuẩn	Khoảng tin cậy	
				Cận dưới	Cận trên
Chung					
Chi phí đầu tư ban đầu (mua thiết bị, phần mềm)	1165	3,546	0,042	3,463	3,629
Chi phí vận hành hàng tháng	1165	3,421	0,035	3,352	3,491

(internet, bảo trì)					
Thời gian và công sức dành cho việc quản lý hóa đơn, chứng từ	1165	3,599	0,032	3,536	3,662
Mức độ Thấp nhất bạch trong hoạt động kinh doanh	1165	3,234	0,039	3,158	3,311
Khả năng cạnh tranh so với các đối thủ khác	1165	3,31	0,046	3,221	3,399
Nông thôn					
Chi phí đầu tư ban đầu (mua thiết bị, phần mềm)	652	3,612	0,056	3,502	3,722
Chi phí vận hành hàng tháng (internet, bảo trì)	652	3,469	0,045	3,381	3,558
Thời gian và công sức dành cho việc quản lý hóa đơn, chứng từ	652	3,532	0,041	3,451	3,613
Mức độ Thấp nhất bạch trong hoạt động kinh doanh	652	3,330	0,051	3,230	3,430
Khả năng cạnh tranh so với các đối thủ khác	652	3,288	0,061	3,168	3,408
Đô thị					
Chi phí đầu tư ban đầu (mua thiết bị, phần mềm)	513	3,462	0,065	3,334	3,590
Chi phí vận hành hàng tháng (internet, bảo trì)	513	3,361	0,056	3,250	3,471
Thời gian và công sức dành cho việc quản lý hóa đơn, chứng từ	513	3,684	0,051	3,584	3,784
Mức độ Thấp nhất bạch trong hoạt động kinh doanh	513	3,113	0,059	2,996	3,230
Khả năng cạnh tranh so với các đối thủ khác	513	3,337	0,068	3,203	3,471
Doanh thu dưới 1 tỷ					
Chi phí đầu tư ban đầu (mua thiết bị, phần mềm)	889	3,558	0,049	3,462	3,654
Chi phí vận hành hàng tháng (internet, bảo trì)	889	3,403	0,039	3,325	3,480
Thời gian và công sức dành cho việc quản lý hóa đơn, chứng từ	889	3,507	0,036	3,437	3,577
Mức độ Thấp nhất bạch trong hoạt động kinh doanh	889	3,207	0,044	3,122	3,292
Khả năng cạnh tranh so với các đối thủ khác	889	3,260	0,053	3,157	3,363
Doanh thu từ 1 tỷ trở lên					
Chi phí đầu tư ban đầu (mua thiết bị, phần mềm)	276	3,507	0,085	3,340	3,675
Chi phí vận hành hàng tháng (internet, bảo trì)	276	3,482	0,079	3,326	3,638
Thời gian và công sức dành cho việc quản lý hóa đơn, chứng từ	276	3,895	0,070	3,758	4,032
Mức độ Thấp nhất bạch trong	276	3,322	0,085	3,155	3,490

hoạt động kinh doanh					
Khả năng cạnh tranh so với các đối thủ khác	276	3,471	0,090	3,293	3,649

Bảng 11. Trong trường hợp chịu tác động tiêu cực, Hộ kinh doanh dự kiến?

Dự kiến của hộ kinh doanh trong trường hợp chịu tác động tiêu cực	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Chung			
Đóng cửa	34	2,92	2,92
Tạm ngừng	270	23,20	26,12
Giảm quy mô	736	63,23	89,35
Chuyển sang loại khác	124	10,65	100,00
Tổng cộng	1164	100,00	
Nông thôn			
Đóng cửa	12	1,84	1,84
Tạm ngừng	171	26,23	28,07
Giảm quy mô	409	62,73	90,8
Chuyển sang loại khác	60	9,2	100
Đô thị			
Đóng cửa	22	4,3	4,3
Tạm ngừng	99	19,34	23,63
Giảm quy mô	327	63,87	87,5
Chuyển sang loại khác	64	12,5	100
Dưới 1 tỷ đồng			
Đóng cửa	29	3,26	3,26
Tạm ngừng	220	24,75	28,01
Giảm quy mô	540	60,74	88,75
Chuyển sang loại khác	100	11,25	100
Từ 1 tỷ đồng trở lên			
Đóng cửa	5	1,82	1,82
Tạm ngừng	50	18,18	20
Giảm quy mô	196	71,27	91,27
Chuyển sang loại khác	24	8,73	100

Bảng 12. Hộ kinh doanh có lo ngại gì về việc thực hiện quy định sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu điện tử với cơ quan thuế

Có lo ngại về việc thực hiện Nghị định 70?	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Chung			
Không	631	46,13	46,13
Có	737	53,87	100,00
Tổng cộng	1368	100,00	
Nông thôn			
Không	381	49.54	49.54
Có	388	50.46	100.00
Đô thị			

	Không	250	41.74	41.74
	Có	349	58.26	100.00
Doanh thu dưới 1 tỷ				
	Không	523	49.95	49.95
	Có	524	50.05	100.00
Doanh thu từ 1 tỷ trở lên				
	Không	108	33.64	33.64
	Có	213	66.36	100.00

Bảng 13. Hộ kinh doanh dự đoán sẽ gặp những khó khăn gì khi triển khai hóa đơn điện tử và thiết bị tính tiền? (Chọn nhiều đáp án) (1/0 - Chọn/Không chọn)

Khó khăn	Số quan sát	Giá trị trung bình	Sai số chuẩn	Khoảng tin cậy 95%	
				Cận dưới	Cận dưới
Chung					
Thiếu vốn đầu tư	1368	0,365	0,013	0,340	0,391
Thiếu kiến thức, kỹ năng về công nghệ	1368	0,731	0,012	0,707	0,755
Thủ tục đăng ký, kê khai phức tạp	1368	0,531	0,013	0,504	0,557
Lo ngại về bảo mật thông tin	1368	0,318	0,013	0,293	0,343
Khó thay đổi thói quen quản lý cũ	1368	0,493	0,014	0,467	0,520
Chưa đủ thời gian tìm hiểu	1368	0,367	0,013	0,341	0,393
Khó khăn khác	1368	0,01	0,003	0,004	0,015
Nông thôn					
Thiếu vốn đầu tư	769	0,404	0,018	0,370	0,439
Thiếu kiến thức, kỹ năng về công nghệ	769	0,785	0,015	0,756	0,815
Thủ tục đăng ký, kê khai phức tạp	769	0,527	0,018	0,491	0,562
Lo ngại về bảo mật thông tin	769	0,345	0,017	0,311	0,378
Khó thay đổi thói quen quản lý cũ	769	0,486	0,018	0,451	0,522
Chưa đủ thời gian tìm hiểu	769	0,354	0,017	0,320	0,388
Khó khăn khác	769	0,005	0,003	0,000	0,010
Thành thị					
Thiếu vốn đầu tư	599	0,316	0,019	0,278	0,353
Thiếu kiến thức, kỹ năng về công nghệ	599	0,661	0,019	0,623	0,699
Thủ tục đăng ký, kê khai phức tạp	599	0,536	0,020	0,496	0,576
Lo ngại về bảo mật	599	0,284	0,018	0,248	0,320

thông tin					
Khó thay đổi thói quen quản lý cũ	599	0,503	0,020	0,462	0,543
Chưa đủ thời gian tìm hiểu	599	0,384	0,020	0,345	0,423
Khó khăn khác	599	0,015	0,005	0,005	0,025
Doanh thu dưới 1 tỷ					
Thiếu vốn đầu tư	1047	0,394	0,015	0,365	0,424
Thiếu kiến thức, kỹ năng về công nghệ	1047	0,736	0,014	0,710	0,763
Thủ tục đăng ký, kê khai phức tạp	1047	0,523	0,015	0,493	0,554
Lo ngại về bảo mật thông tin	1047	0,333	0,015	0,305	0,362
Khó thay đổi thói quen quản lý cũ	1047	0,481	0,015	0,451	0,512
Chưa đủ thời gian tìm hiểu	1047	0,368	0,015	0,338	0,397
Khó khăn khác	1047	0,007	0,003	0,002	0,012
Doanh thu từ 1 tỷ trở lên					
Thiếu vốn đầu tư	321	0,271	0,025	0,222	0,320
Thiếu kiến thức, kỹ năng về công nghệ	321	0,713	0,025	0,664	0,763
Thủ tục đăng ký, kê khai phức tạp	321	0,555	0,028	0,500	0,609
Lo ngại về bảo mật thông tin	321	0,268	0,025	0,219	0,317
Khó thay đổi thói quen quản lý cũ	321	0,533	0,028	0,478	0,588
Chưa đủ thời gian tìm hiểu	321	0,364	0,027	0,312	0,417
Khó khăn khác	321	0,019	0,008	0,004	0,034

Bảng 14. Thách thức lớn nhất đối với Hộ kinh doanh khi thực hiện quy định sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu điện tử với cơ quan thuế là gì?

Thách thức lớn nhất	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Chung			
Thiếu vốn đầu tư	172	12,57	12,57
Thiếu kiến thức/kỹ năng công nghệ	507	37,06	49,63
Thủ tục hành chính phức tạp	241	17,62	67,25
Rủi ro bảo mật thông tin	91	6,65	73,90
Khó đổi thói quen quản lý cũ	346	25,29	99,20
Khác	11	0,80	100,00
Tổng cộng	1368	100,00	
Nông thôn			
Thiếu vốn đầu tư	99	12,87	12,87

Thiếu kiến thức/kỹ năng công nghệ	303	39,4	52,28
Thủ tục hành chính phức tạp	110	14,3	66,58
Rủi ro bảo mật thông tin	55	7,15	73,73
Khó đổi thói quen quản lý cũ	201	26,14	99,87
Khác	1	0,13	100
Thành thị			
Thiếu vốn đầu tư	73	12,19	12,19
Thiếu kiến thức/kỹ năng công nghệ	204	34,06	46,24
Thủ tục hành chính phức tạp	131	21,87	68,11
Rủi ro bảo mật thông tin	36	6,01	74,12
Khó đổi thói quen quản lý cũ	145	24,21	98,33
Khác	10	1,67	100
Doanh thu dưới 1 tỷ đồng			
Thiếu vốn đầu tư	157	15	15
Thiếu kiến thức/kỹ năng công nghệ	416	39,73	54,73
Thủ tục hành chính phức tạp	158	15,09	69,82
Rủi ro bảo mật thông tin	72	6,88	76,7
Khó đổi thói quen quản lý cũ	241	23,02	99,71
Khác	3	0,29	100
Doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên			
Thiếu vốn đầu tư	15	4,67	4,67
Thiếu kiến thức/kỹ năng công nghệ	91	28,35	33,02
Thủ tục hành chính phức tạp	83	25,86	58,88
Rủi ro bảo mật thông tin	19	5,92	64,8
Khó đổi thói quen quản lý cũ	105	32,71	97,51
Khác	8	2,49	100

Bảng 15. Chi phí vận hành trong năm đầu tiên áp dụng của Hộ kinh doanh dự kiến thay đổi thể nào với việc thực hiện quy định sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu điện tử với cơ quan thuế?

Thay đổi chi phí vận hành	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Chung			
Giảm	173	12,65	12,65
Không đổi	90	6,58	19,23
Tăng	900	65,79	85,01
Không biết	205	14,99	100,00
Tổng cộng	1368	100,00	
Nông thôn			
Giảm	64	8,32	8,32
Không đổi	50	6,5	14,82
Tăng	501	65,15	79,97
Không biết	154	20,03	100
Thành thị			
Giảm	109	18,2	18,2

Không đổi	40	6,68	24,87
Tăng	399	66,61	91,49
Không biết	51	8,51	100
Doanh thu dưới 1 tỷ đồng			
Giảm	147	14,04	14,04
Không đổi	75	7,16	21,2
Tăng	654	62,46	83,67
Không biết	171	16,33	100
Doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên			
Giảm	26	8,1	8,1
Không đổi	15	4,67	12,77
Tăng	246	76,64	89,41
Không biết	34	10,59	100

Bảng 16. Doanh thu trong năm đầu tiên áp dụng của Hộ kinh doanh dự kiến thay đổi thế nào với việc thực hiện quy định sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu điện tử với cơ quan thuế?

Thay đổi doanh thu	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Chung			
Giảm	772	56,43	56,43
Không đổi	128	9,36	65,79
Tăng	116	8,48	74,27
Không biết	352	25,73	100
Tổng cộng	772	56,43	56,43
Nông thôn			
Giảm	399	51,89	51,89
Không đổi	79	10,27	62,16
Tăng	88	11,44	73,6
Không biết	203	26,4	100
Thành thị			
Giảm	373	62,27	62,27
Không đổi	49	8,18	70,45
Tăng	28	4,67	75,13
Không biết	149	24,87	100
Doanh thu dưới 1 tỷ đồng			
Giảm	557	53,2	53,2
Không đổi	98	9,36	62,56
Tăng	89	8,5	71,06
Không biết	303	28,94	100
Doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên			
Giảm	215	66,98	66,98
Không đổi	30	9,35	76,32
Tăng	27	8,41	84,74
Không biết	49	15,26	100

Bảng 17. Lợi nhuận trong năm đầu tiên áp dụng của HKD dự kiến thay đổi thế nào với việc thực hiện quy định sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu điện tử với cơ quan thuế?

Thay đổi lợi nhuận	Tần số	Phần trăm	Cộng dồn
Chung			
Giảm	880	64,33	64,33
Không đổi	237	17,32	81,65
Tăng	27	1,97	83,63
Không biết	224	16,37	100
Tổng cộng	880	64,33	64,33
Nông thôn			
Giảm	485	63,07	63,07
Không đổi	115	14,95	78,02
Tăng	16	2,08	80,1
Không biết	153	19,9	100
Thành thị			
Giảm	395	65,94	65,94
Không đổi	122	20,37	86,31
Tăng	11	1,84	88,15
Không biết	71	11,85	100
Doanh thu dưới 1 tỷ đồng			
Giảm	636	60,74	60,74
Không đổi	210	20,06	80,8
Tăng	20	1,91	82,71
Không biết	181	17,29	100
Doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên			
Giảm	244	76,01	76,01
Không đổi	27	8,41	84,42
Tăng	7	2,18	86,6
Không biết	43	13,4	100

Bảng 19. Mong muốn CQNN có hỗ trợ gì để HKD tuân thủ tốt quy định sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu điện tử với cơ quan thuế?

(Chọn nhiều đáp án) (1/0 - Chọn/Không chọn)

[chọn hình ảnh đáp án] (1/3) Chọn/Những chọn					
Hỗ trợ	Số quan sát	Giá trị trung bình	Sai số chuẩn	Khoảng tin cậy 95%	
				Cận dưới	Cận dưới
Chung					
Hỗ trợ tài chính (miễn giảm thuế, cho vay ưu đãi)	1368	0,575	0,013	0,548	0,601
Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn miễn phí	1368	0,526	0,014	0,500	0,553
Đơn giản hóa thủ tục hành	1368	0,59	0,013	0,564	0,616

chính					
Cung cấp phần mềm, giải pháp công nghệ với chi phí hợp lý	1368	0,466	0,013	0,440	0,493
Thiết lập đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật	1368	0,274	0,012	0,250	0,298
Hỗ trợ khác	1368	0,021	0,004	0,014	0,029
Nông thôn					
Hỗ trợ tài chính (miễn giảm thuế, cho vay ưu đãi)	769	0,557	0,018	0,521	0,592
Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn miễn phí	769	0,567	0,018	0,532	0,602
Đơn giản hóa thủ tục hành chính	769	0,641	0,017	0,607	0,675
Cung cấp phần mềm, giải pháp công nghệ với chi phí hợp lý	769	0,471	0,018	0,435	0,506
Thiết lập đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật	769	0,281	0,016	0,249	0,313
Hỗ trợ khác	769	0,014	0,004	0,006	0,023
Thành thị					
Hỗ trợ tài chính (miễn giảm thuế, cho vay ưu đãi)	599	0,598	0,020	0,558	0,637
Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn miễn phí	599	0,474	0,020	0,434	0,514
Đơn giản hóa thủ tục hành chính	599	0,524	0,020	0,484	0,564
Cung cấp phần mềm, giải pháp công nghệ với chi phí hợp lý	599	0,461	0,020	0,421	0,501
Thiết lập đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật	599	0,265	0,018	0,230	0,301
Hỗ trợ khác	599	0,030	0,007	0,016	0,044
Doanh thu dưới 1 tỷ					
Hỗ trợ tài chính (miễn giảm thuế, cho vay ưu đãi)	1047	0,575	0,015	0,545	0,605
Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn miễn phí	1047	0,543	0,015	0,513	0,574
Đơn giản hóa thủ tục hành chính	1047	0,574	0,015	0,544	0,604
Cung cấp phần mềm, giải pháp công nghệ với chi phí hợp lý	1047	0,432	0,015	0,402	0,462
Thiết lập đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật	1047	0,260	0,014	0,233	0,286
Hỗ trợ khác	1047	0,016	0,004	0,009	0,024
Doanh thu từ 1 tỷ trở lên					
Hỗ trợ tài chính (miễn	321	0,573	0,028	0,519	0,628

giảm thuế, cho vay ưu đãi)					
Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn miễn phí	321	0,470	0,028	0,416	0,525
Đơn giản hóa thủ tục hành chính	321	0,642	0,027	0,589	0,694
Cung cấp phần mềm, giải pháp công nghệ với chi phí hợp lý	321	0,579	0,028	0,525	0,634
Thiết lập đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật	321	0,321	0,026	0,270	0,372
Hỗ trợ khác	321	0,037	0,011	0,017	0,058